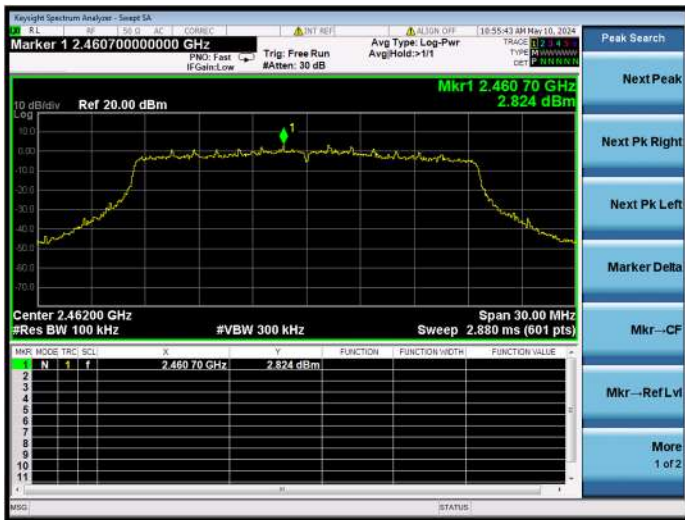
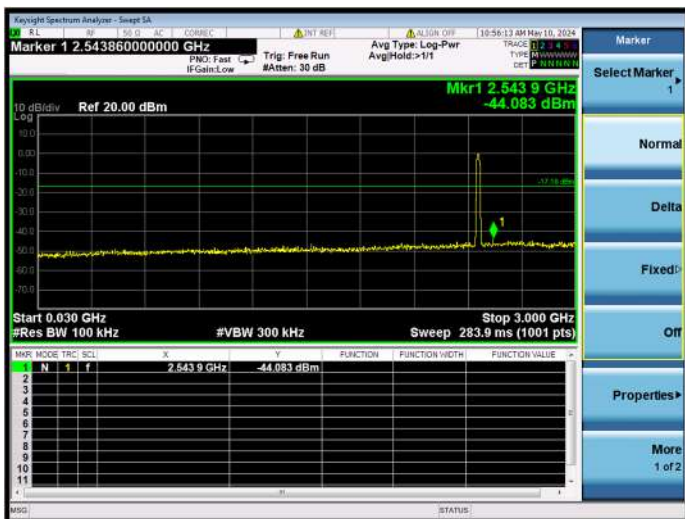


802.11ax-20 MHz(SU) CH11 CARRIER LEVEL



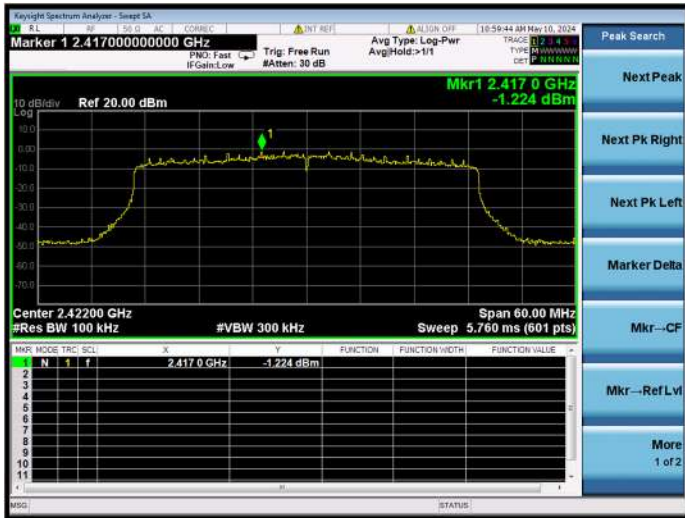
802.11ax-20 MHz(SU) CH11, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



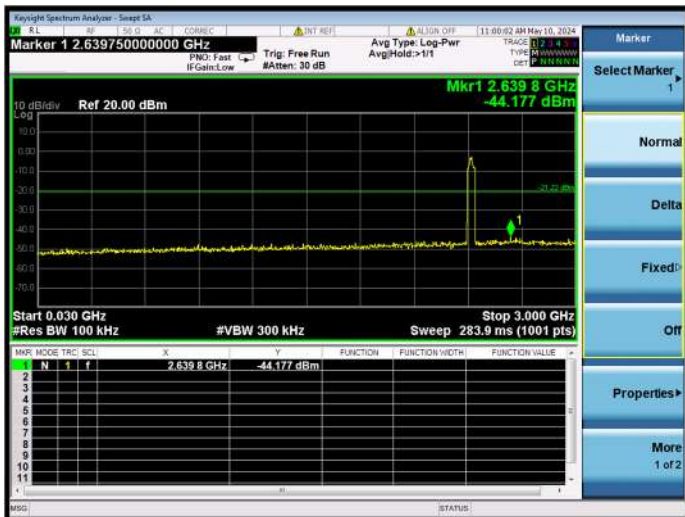
802.11ax-20 MHz(SU) CH11, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH3 CARRIER LEVEL



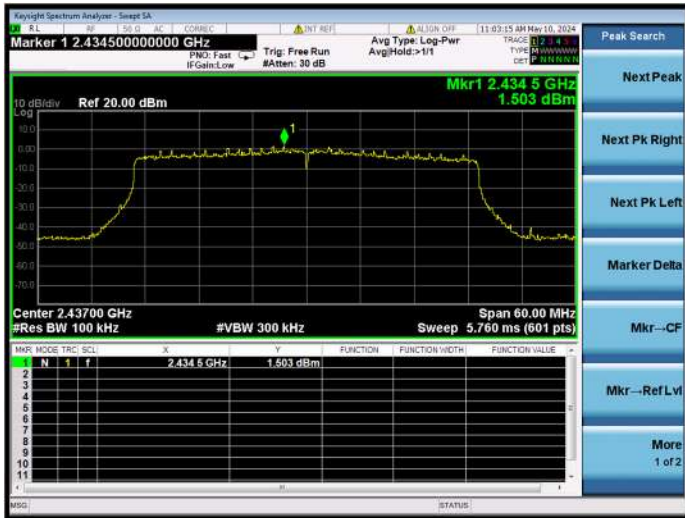
802.11ax-40 MHz(SU) CH3, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



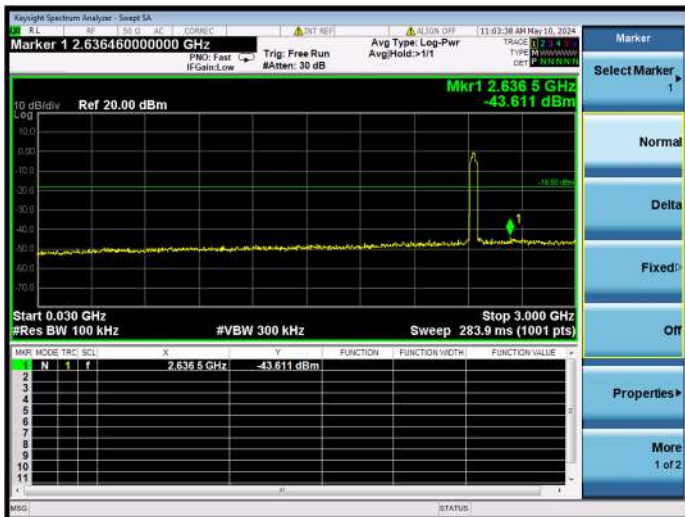
802.11ax-40 MHz(SU) CH3, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH6 CARRIER LEVEL



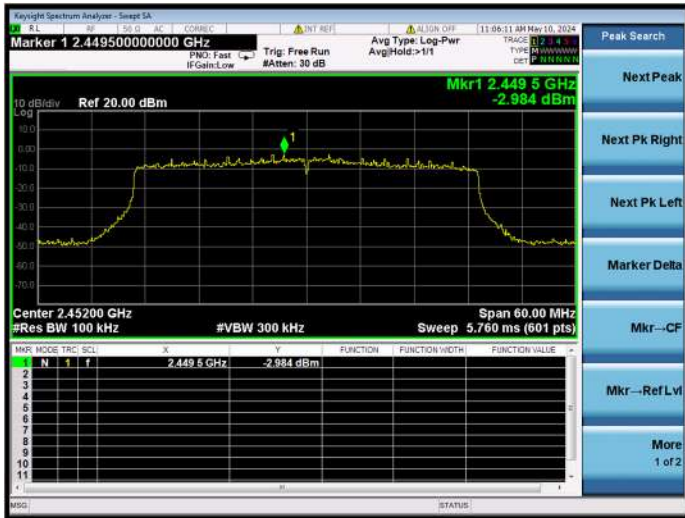
802.11ax-40 MHz(SU) CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



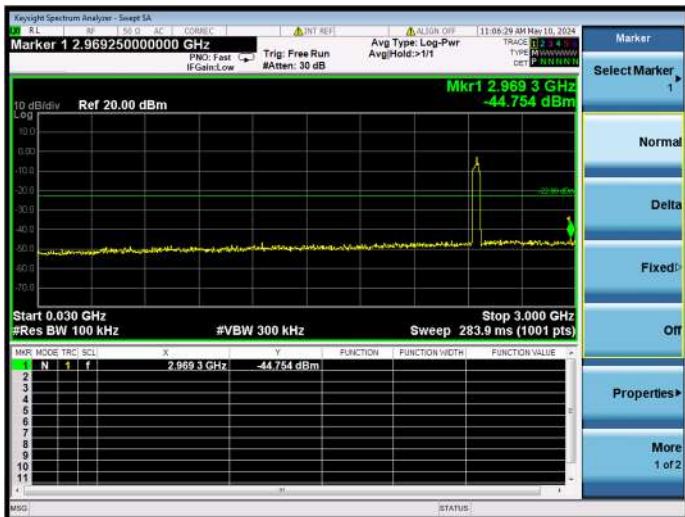
802.11ax-40 MHz(SU) CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH9 CARRIER LEVEL



802.11ax-40 MHz(SU) CH9, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH9, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz

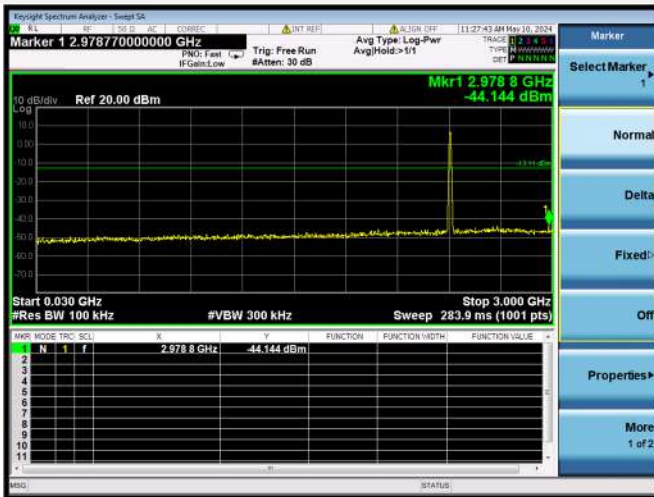


ANT 1:

802.11b CH1 CARRIER LEVEL



802.11b CH1, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



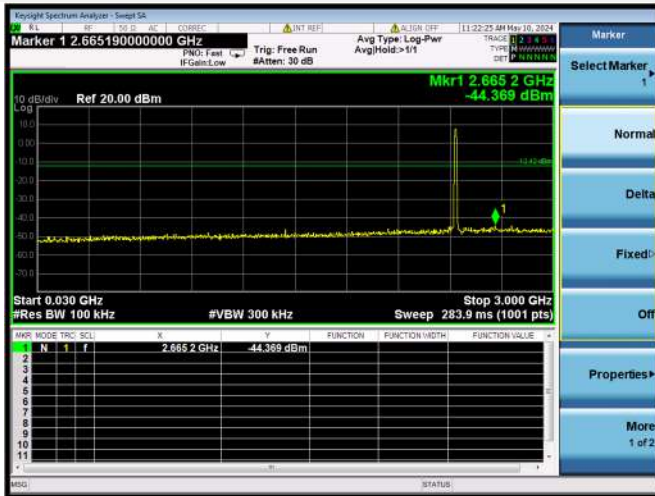
802.11b CH1, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



802.11b CH6 CARRIER LEVEL



802.11b CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



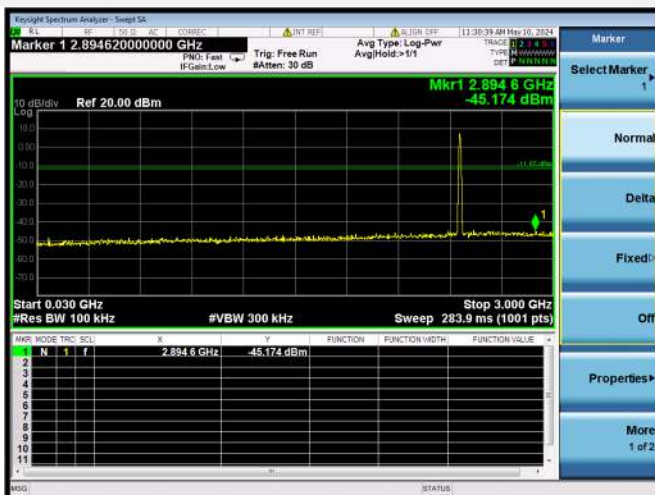
802.11b CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



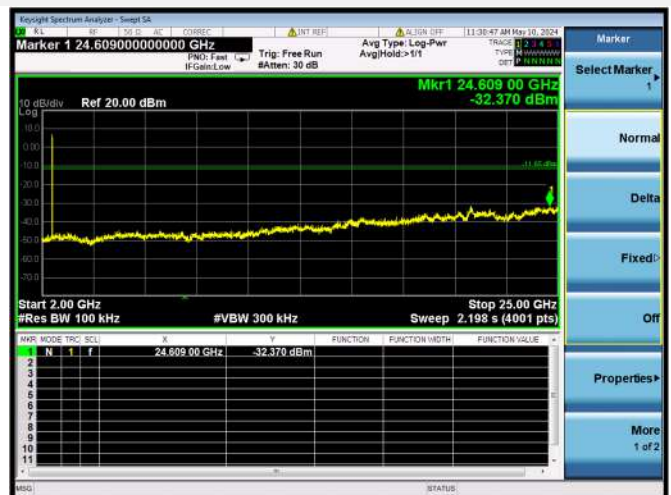
802.11b CH11 CARRIER LEVEL



802.11b CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



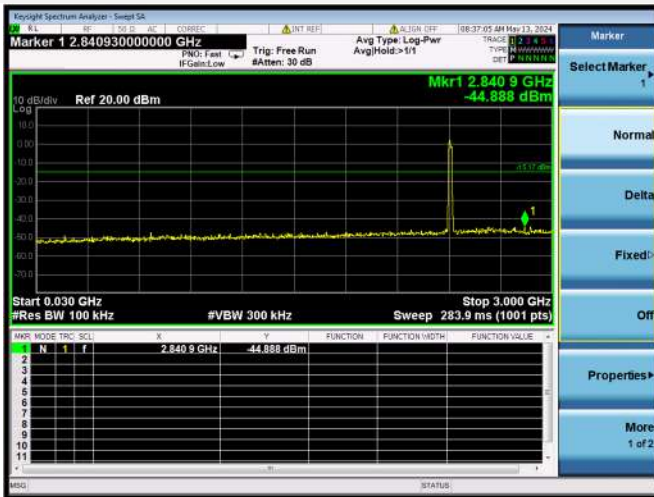
802.11b CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



### 802.11g CH1 CARRIER LEVEL



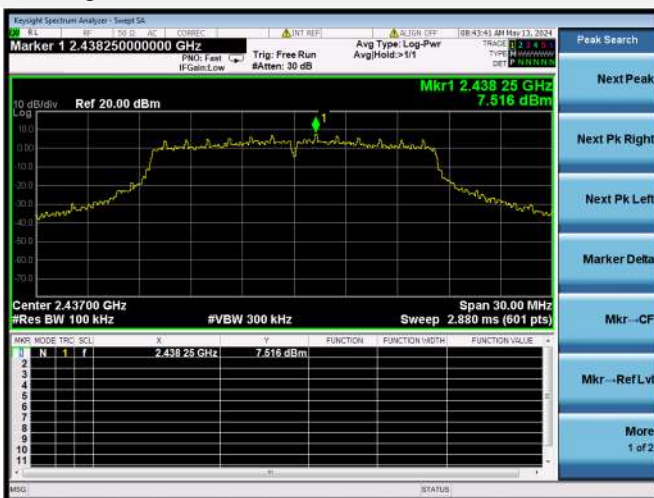
### 802.11g CH1, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



### 802.11g CH1, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz

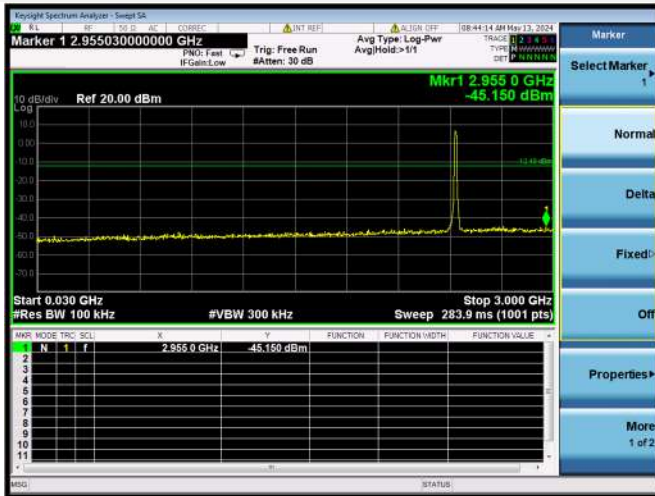


### 802.11g CH6 CARRIER LEVEL



802.11g CH6, SPURIOUS

30 MHz ~ 3 GHz



802.11g CH6, SPURIOUS

2 GHz ~ 25 GHz

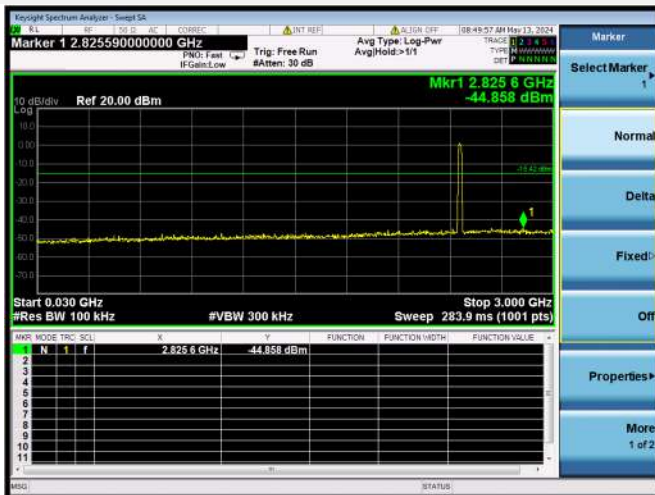


802.11g CH11 CARRIER LEVEL



802.11g CH11, SPURIOUS

30 MHz ~ 3 GHz



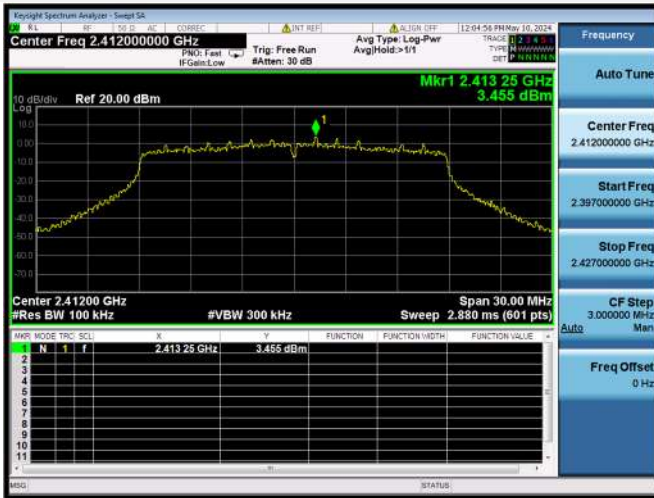
802.11g CH11, SPURIOUS

2 GHz ~ 25 GHz

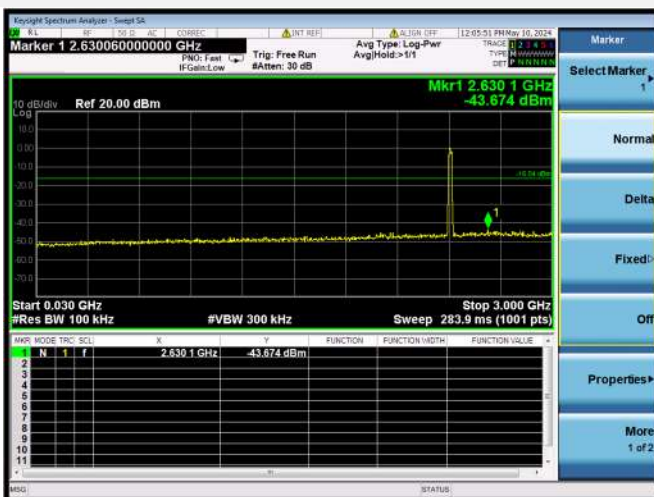




802.11n-20 MHz CH1 CARRIER LEVEL



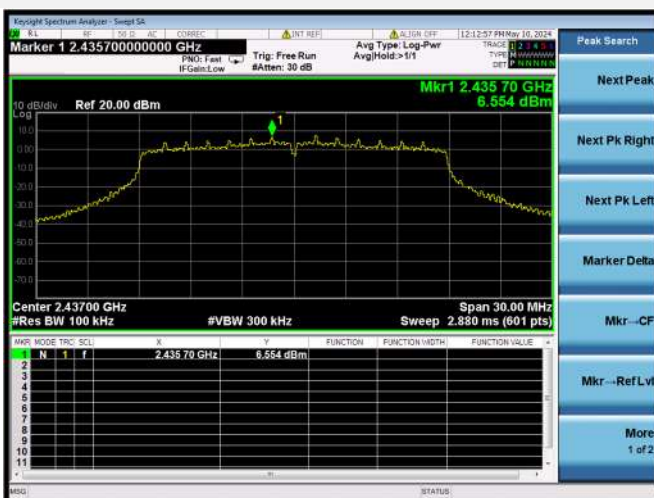
802.11n-20 MHz CH1, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



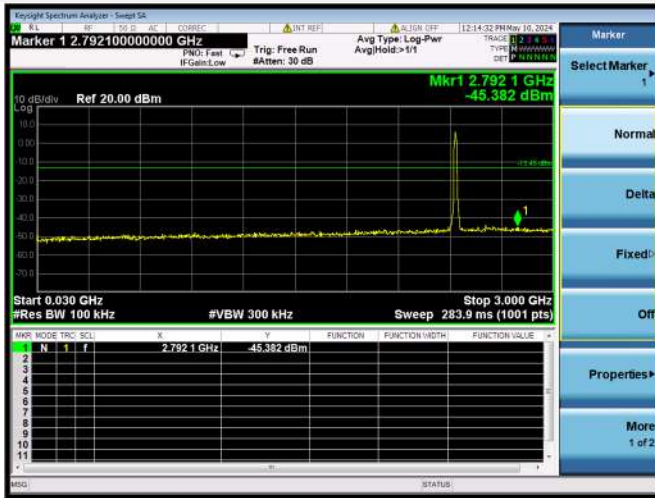
802.11n-20 MHz CH1, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-20 MHz CH6 CARRIER LEVEL



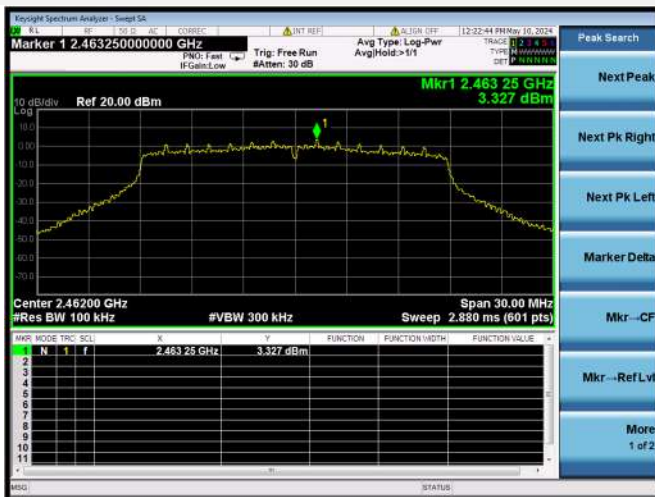
802.11n-20 MHz CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



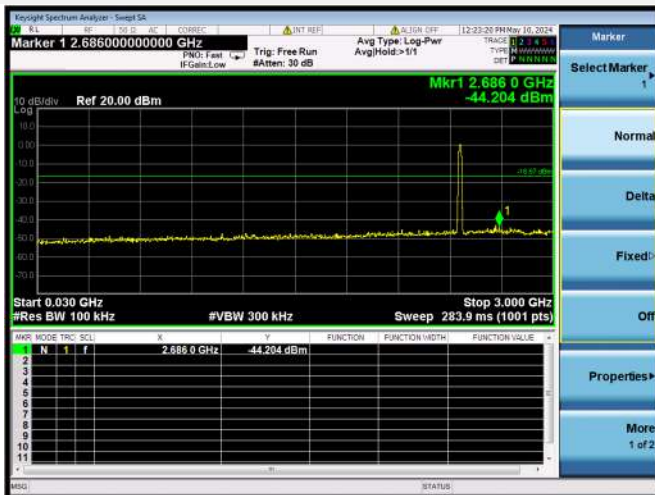
802.11n-20 MHz CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-20 MHz CH11 CARRIER LEVEL



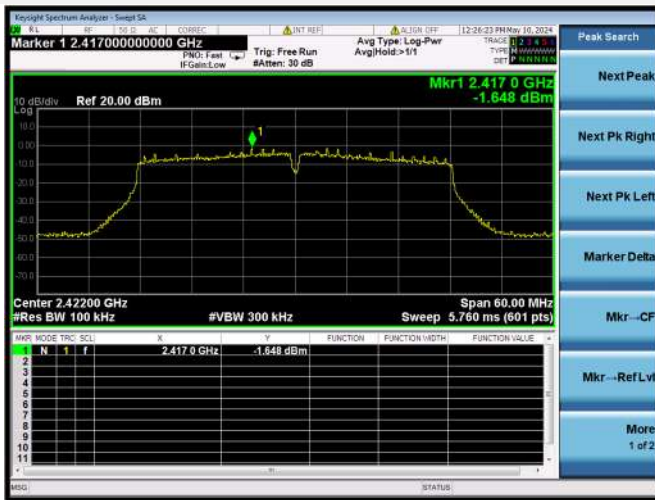
802.11n-20 MHz CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



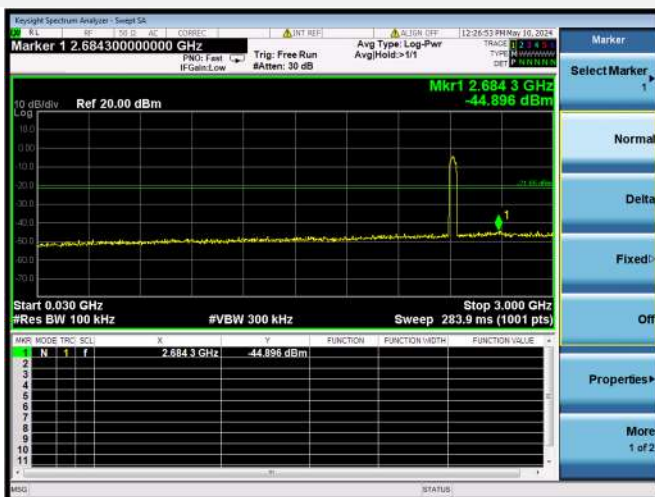
802.11n-20 MHz CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH3 CARRIER LEVEL



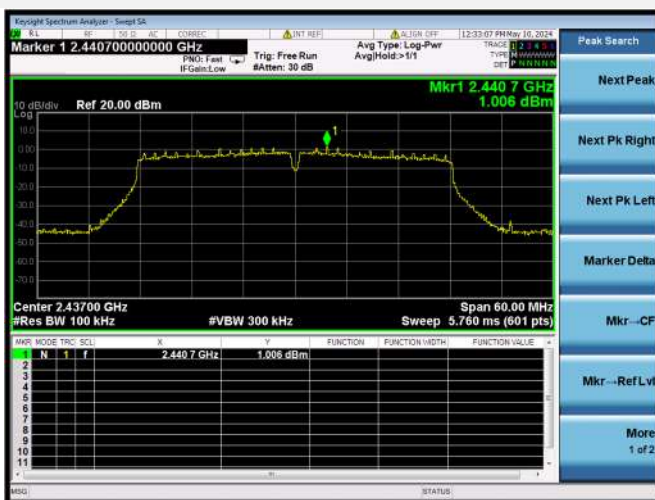
802.11n-40 MHz CH3, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



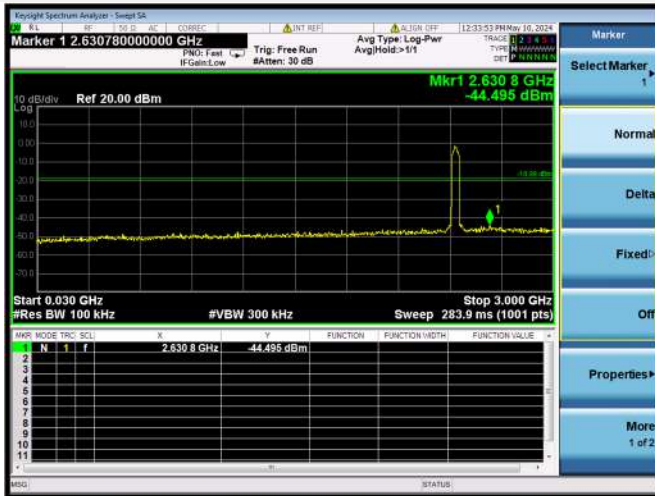
802.11n-40 MHz CH3, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH6 CARRIER LEVEL



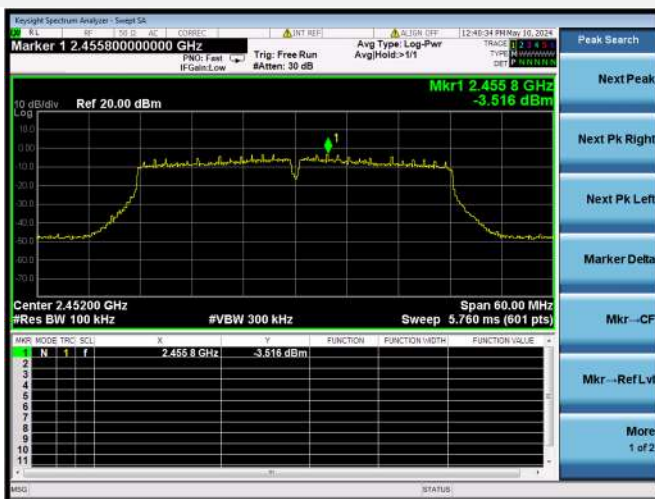
802.11n-40 MHz CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



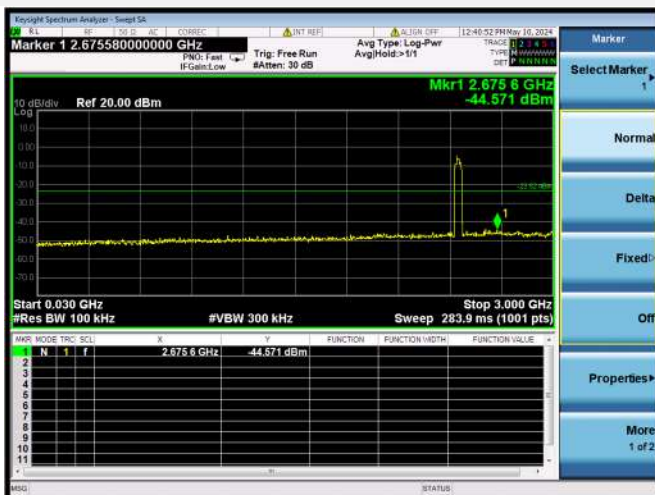
802.11n-40 MHz CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



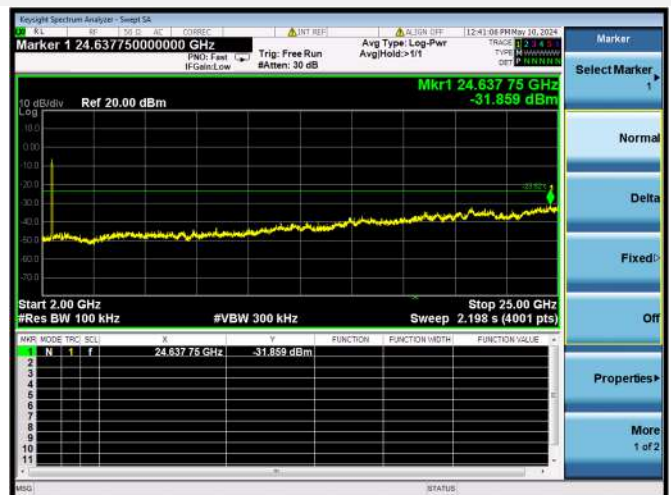
802.11n-40 MHz CH9 CARRIER LEVEL



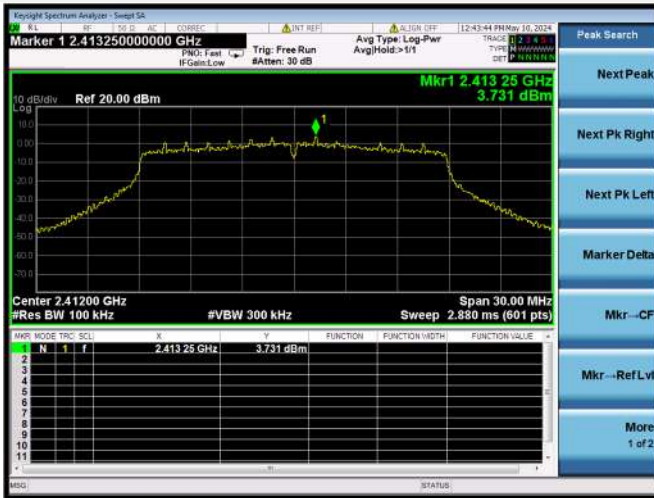
802.11n-40 MHz CH9, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



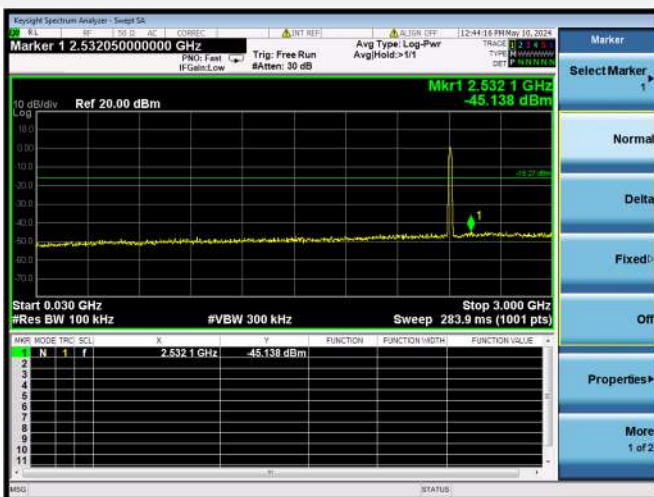
802.11n-40 MHz CH9, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH1 CARRIER LEVEL



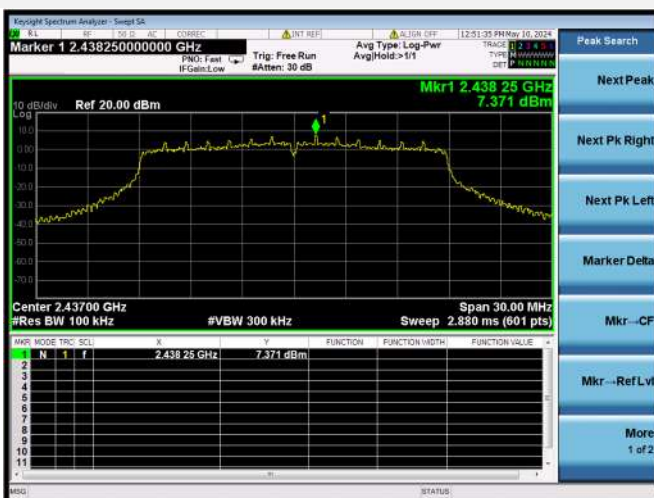
VHT20 CH1, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



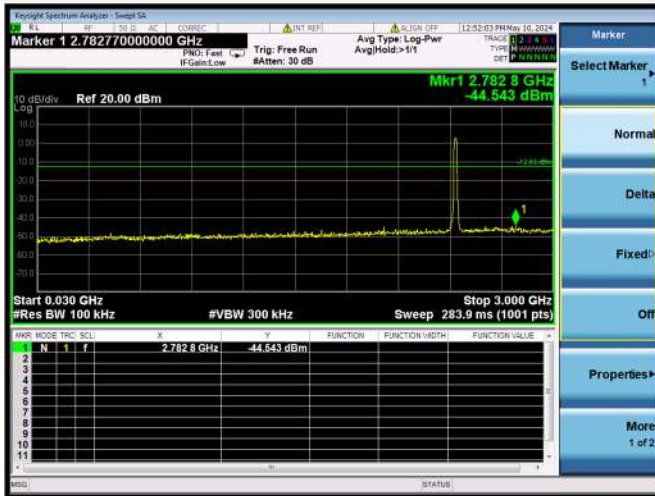
VHT20 CH1, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



VHT20 CH6 CARRIER LEVEL



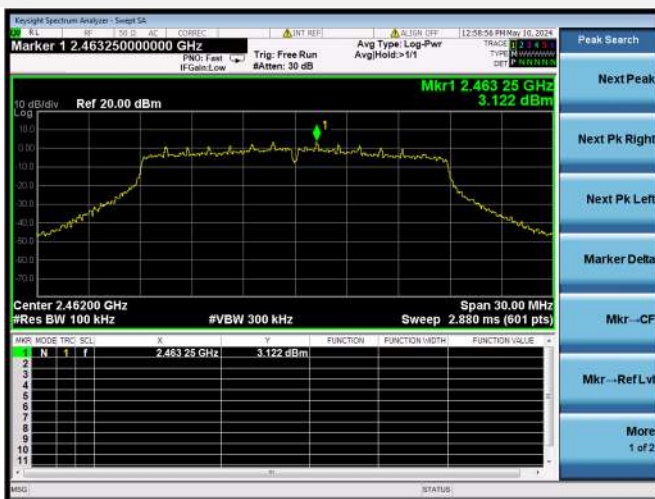
VHT20 CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



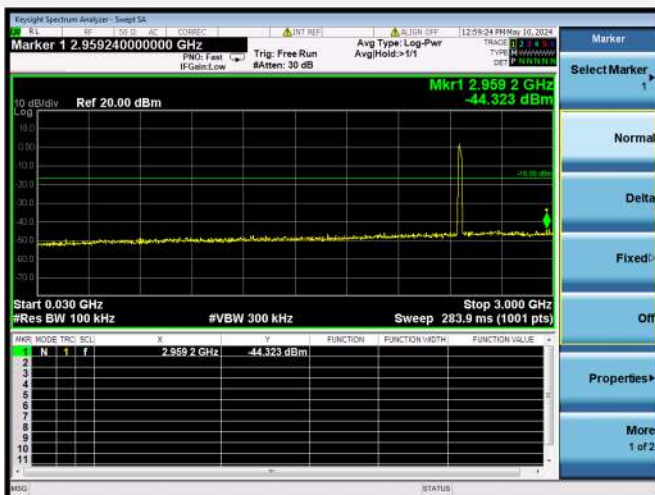
VHT20 CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



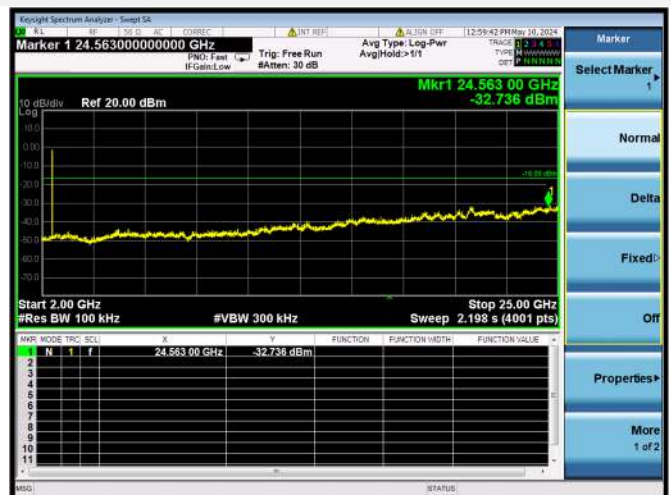
VHT20 CH11 CARRIER LEVEL



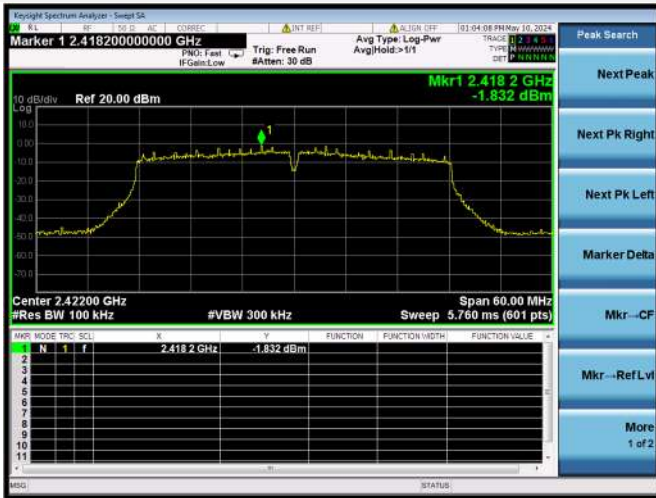
VHT20 CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



VHT20 CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz

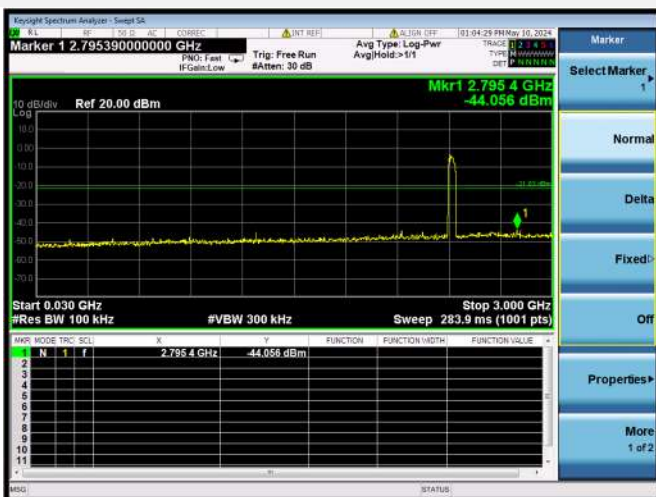


### VHT40 CH3 CARRIER LEVEL



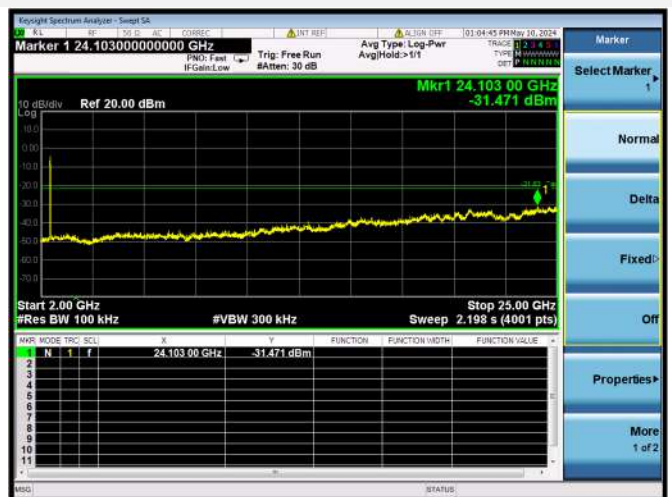
### VHT40 CH3, SPURIOUS

30 MHz ~ 3 GHz

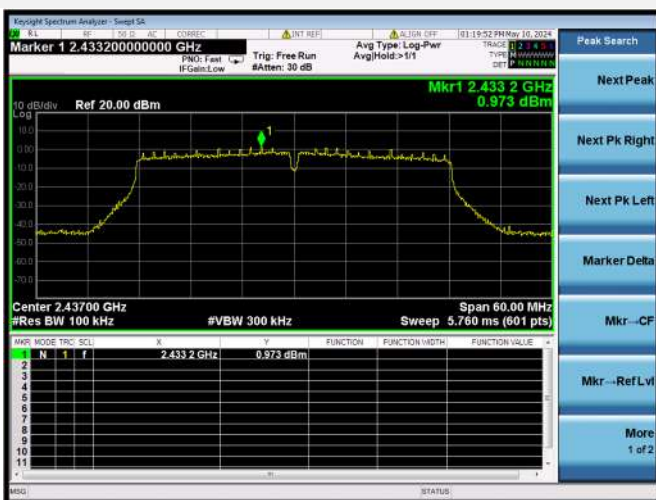


### VHT40 CH3, SPURIOUS

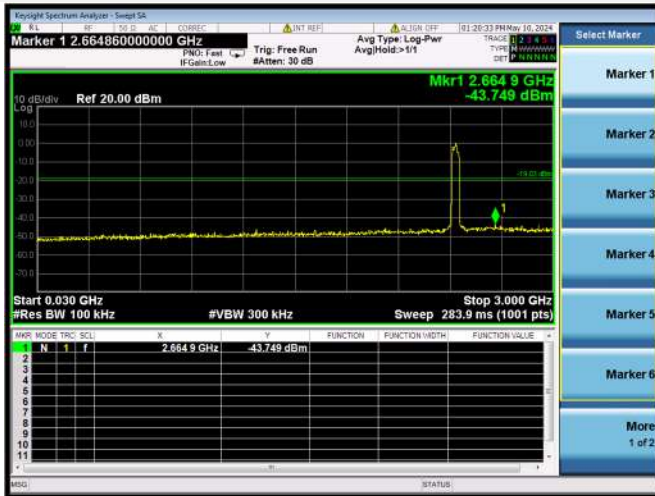
2 GHz ~ 25 GHz



### VHT40 CH6 CARRIER LEVEL



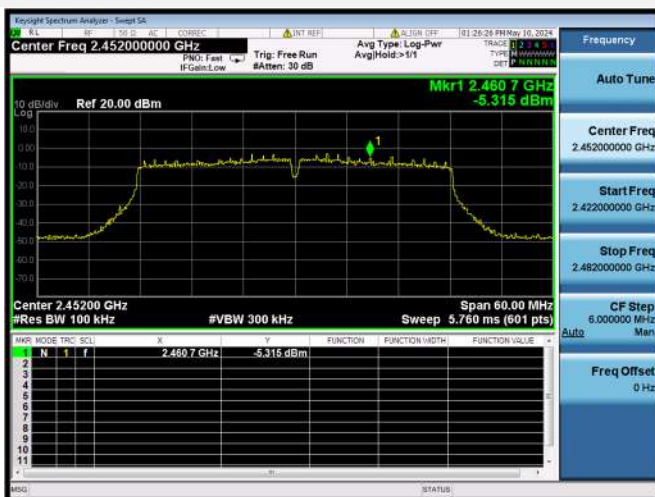
VHT40 CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



VHT40 CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



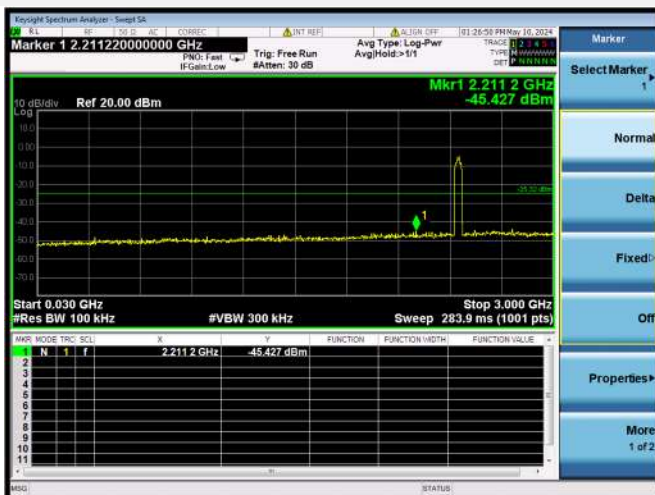
VHT40 CH9 CARRIER LEVEL



VHT40 CH9, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz

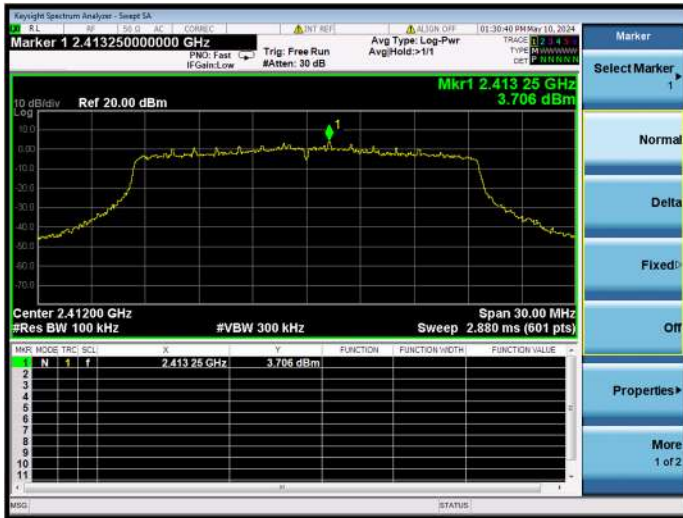


VHT40 CH9, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz

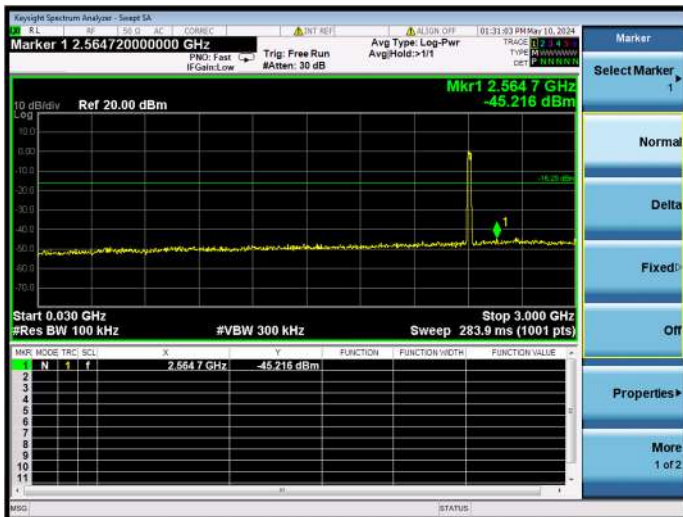




802.11ax-20 MHz(SU) CH1 CARRIER LEVEL



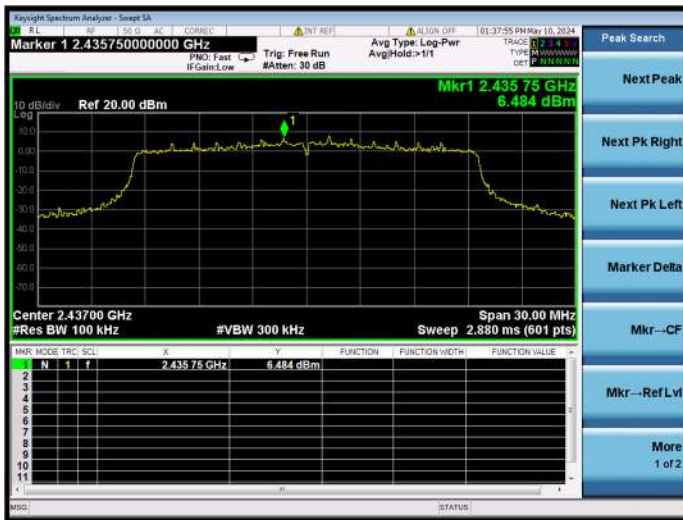
802.11ax-20 MHz(SU) CH1, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



802.11ax-20 MHz(SU) CH1, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz

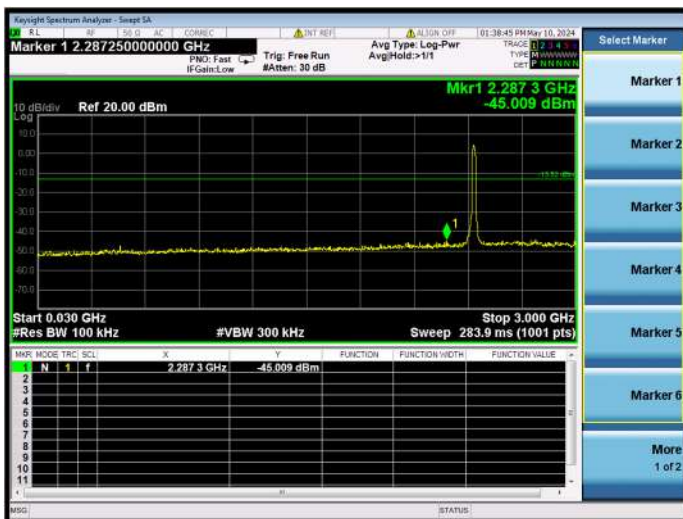


802.11ax-20 MHz(SU) CH6 CARRIER LEVEL

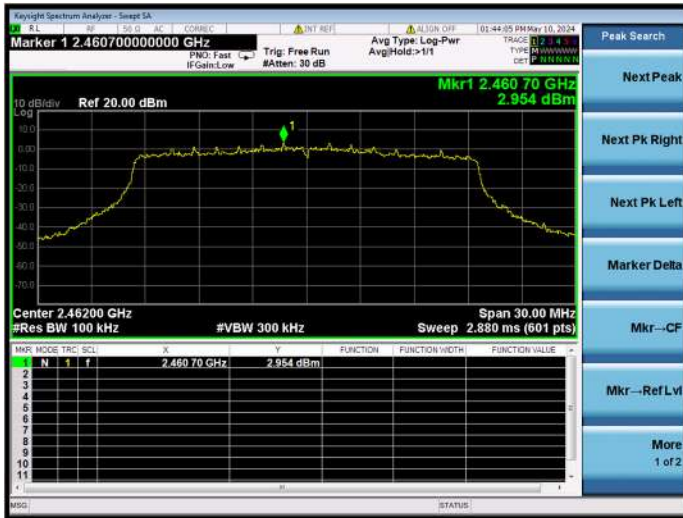


802.11ax-20 MHz(SU) CH6, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz

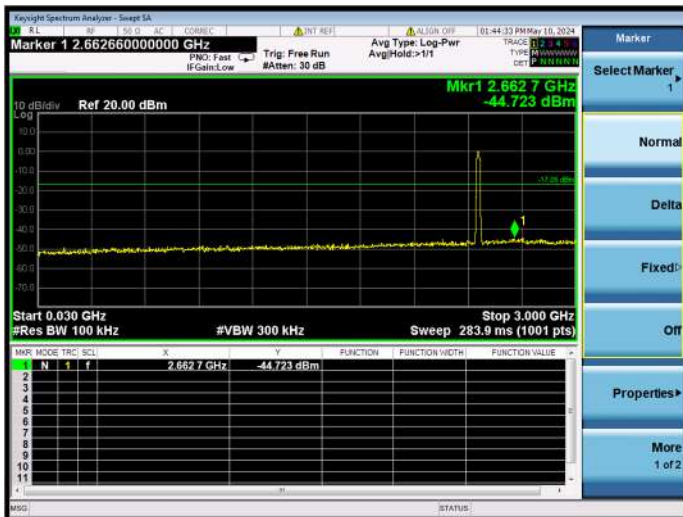
802.11ax-20 MHz(SU) CH6, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-20 MHz(SU) CH11 CARRIER LEVEL



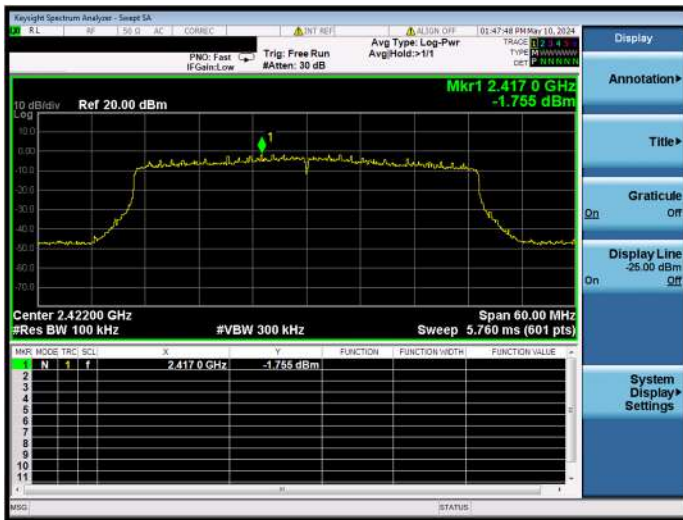
802.11ax-20 MHz(SU) CH11, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



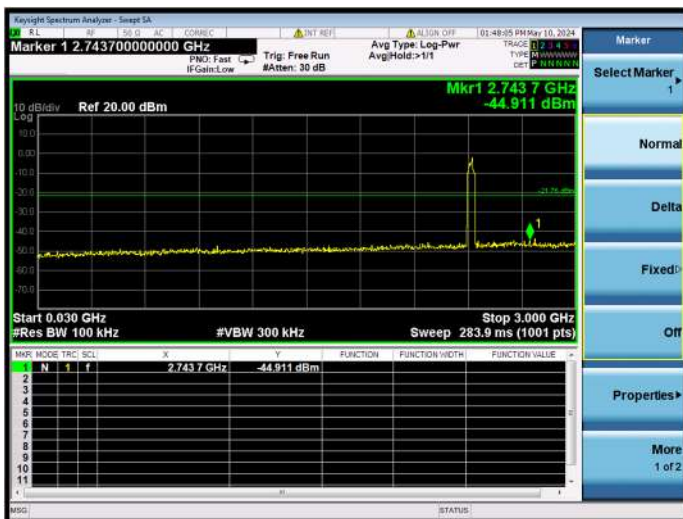
802.11ax-20 MHz(SU) CH11, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH3 CARRIER LEVEL



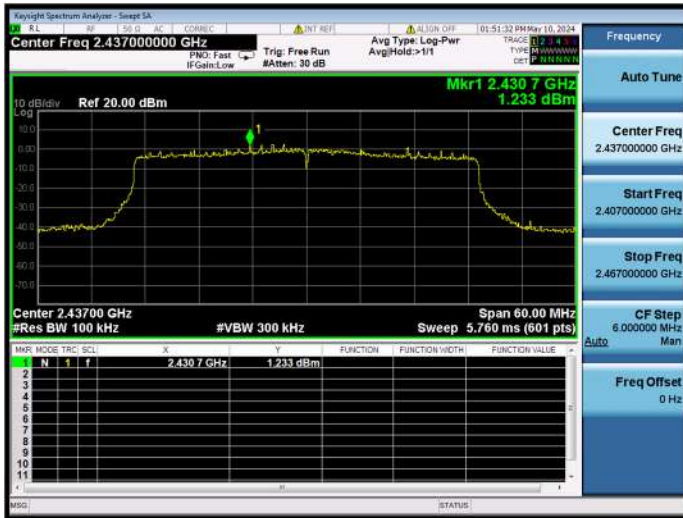
802.11ax-40 MHz(SU) CH3, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



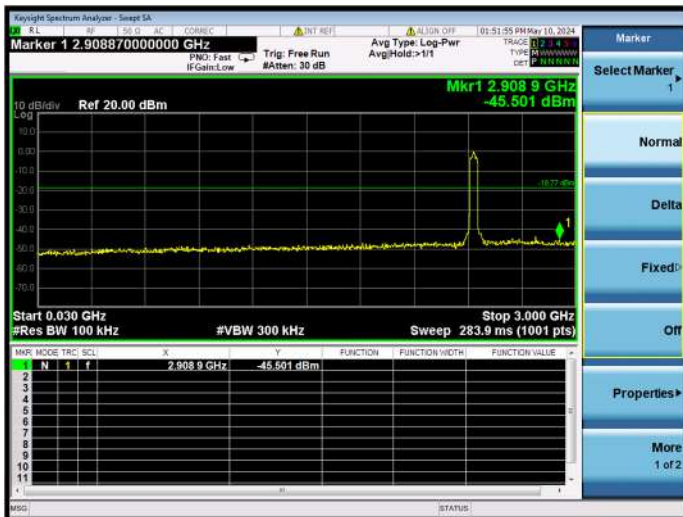
802.11ax-40 MHz(SU) CH3, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH6 CARRIER LEVEL



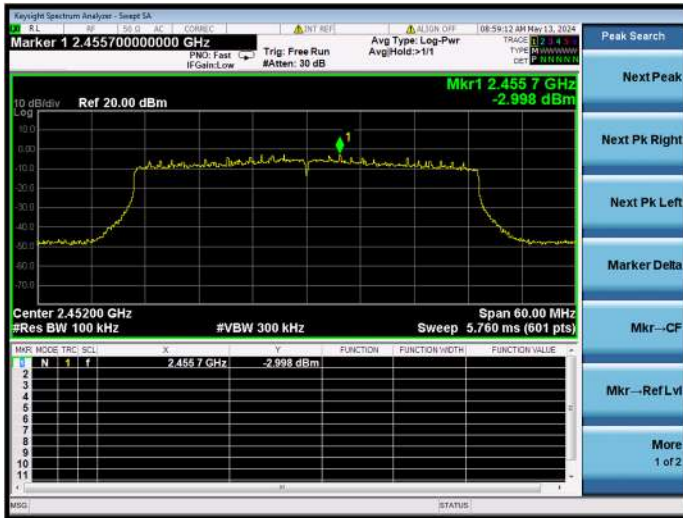
802.11ax-40 MHz(SU) CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



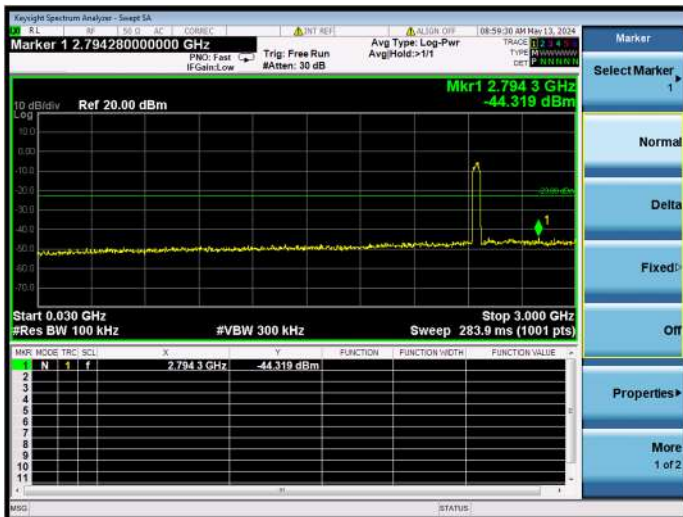
802.11ax-40 MHz(SU) CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH9 CARRIER LEVEL



802.11ax-40 MHz(SU) CH9, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH9, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz

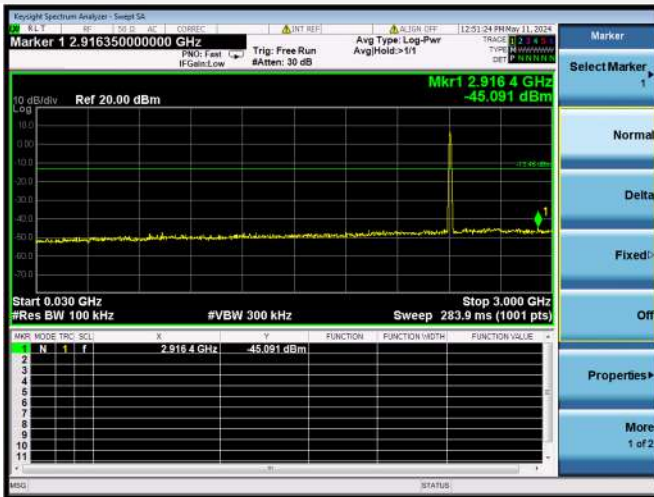


MIMO ANT 0:

802.11b CH1 CARRIER LEVEL



802.11b CH1, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



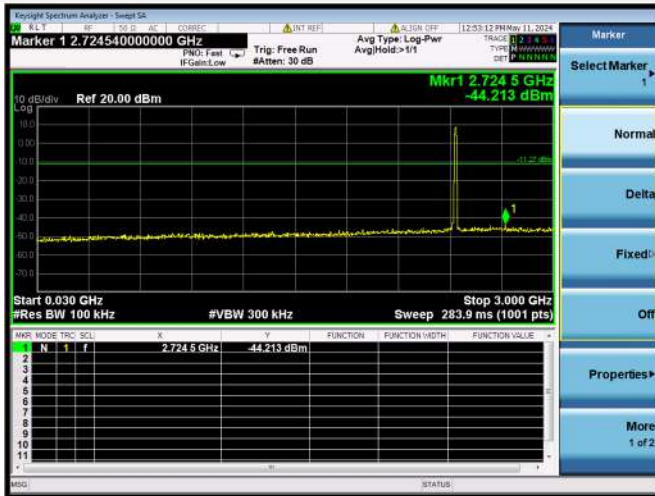
802.11b CH1, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



802.11b CH6 CARRIER LEVEL



802.11b CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



802.11b CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



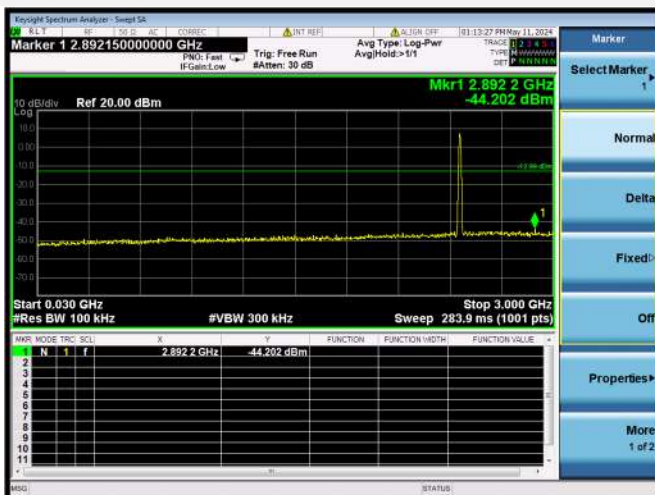
802.11b CH11 CARRIER LEVEL



802.11b CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz

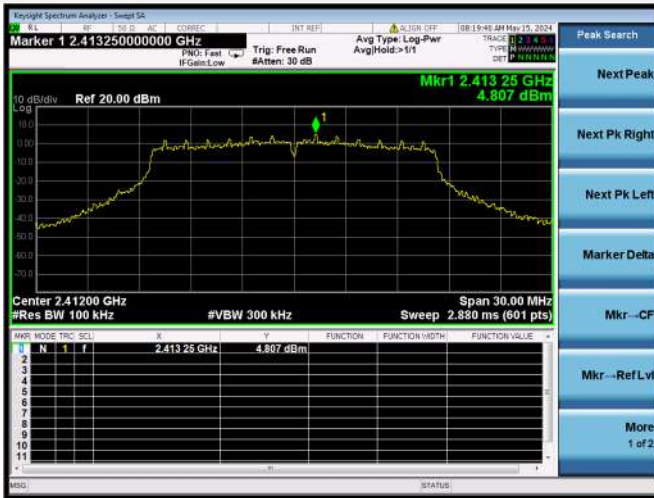


802.11b CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz

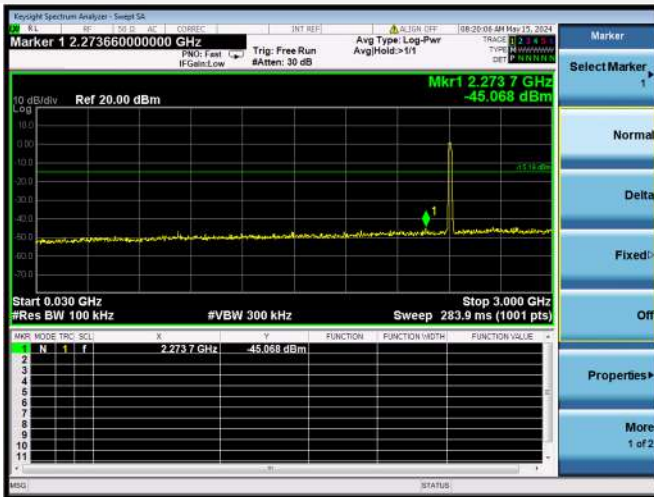




### 802.11g CH1 CARRIER LEVEL



### 802.11g CH1, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



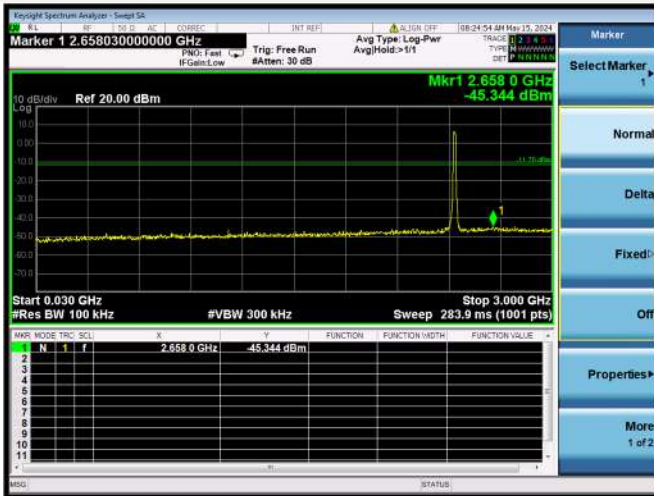
### 802.11g CH1, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



### 802.11g CH6 CARRIER LEVEL



802.11g CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



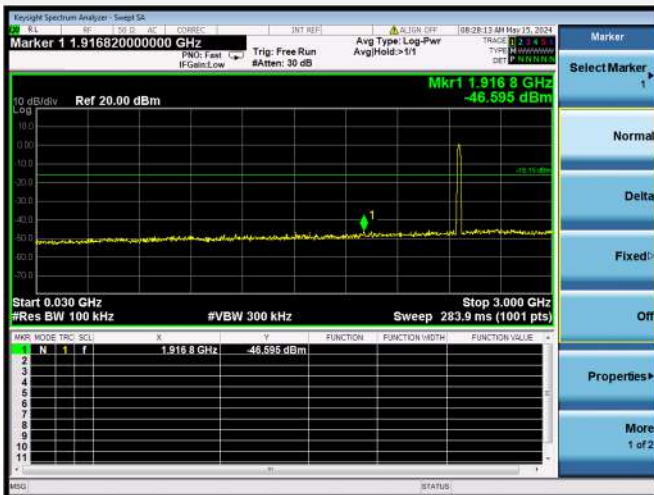
802.11g CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11g CH11 CARRIER LEVEL



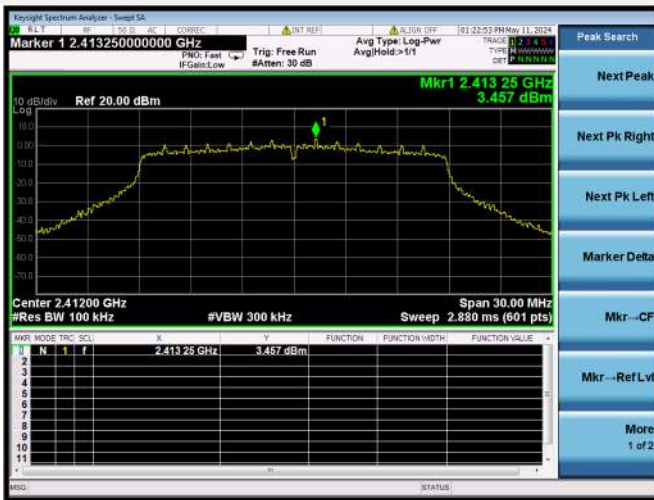
802.11g CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



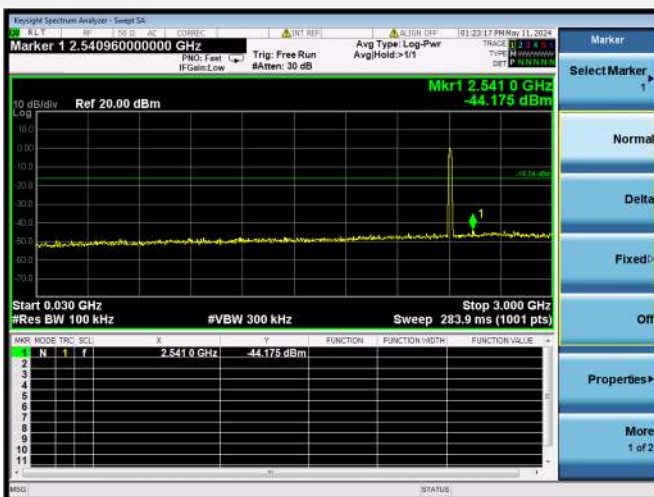
802.11g CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-20 MHz CH1 CARRIER LEVEL



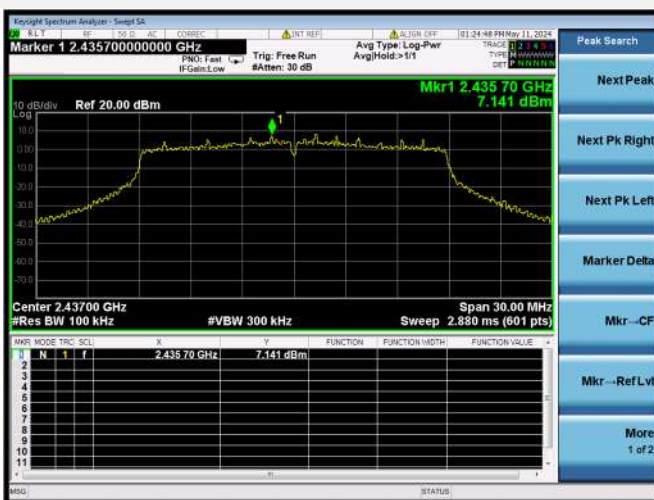
802.11n-20 MHz CH1, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



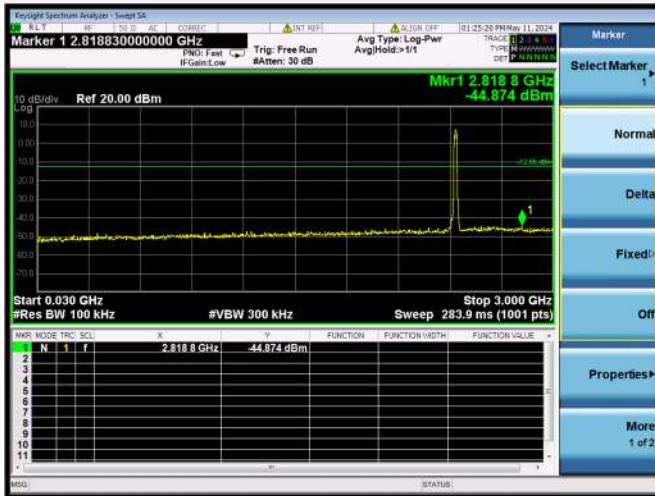
802.11n-20 MHz CH1, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-20 MHz CH6 CARRIER LEVEL



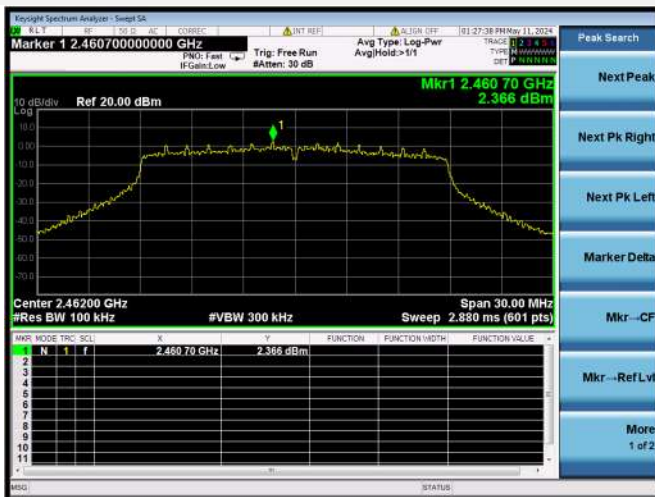
802.11n-20 MHz CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



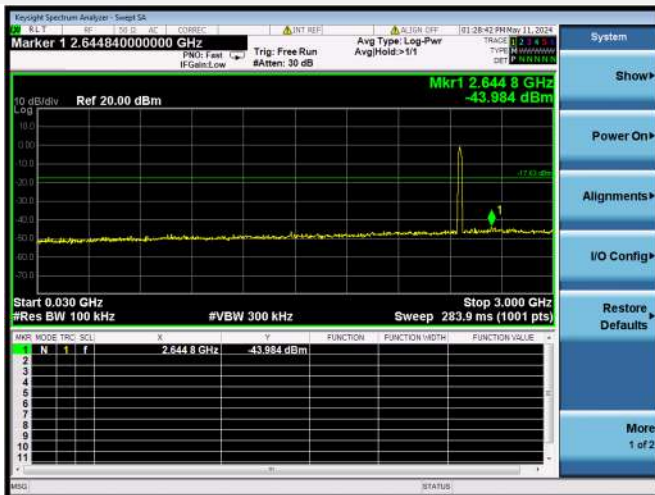
802.11n-20 MHz CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-20 MHz CH11 CARRIER LEVEL



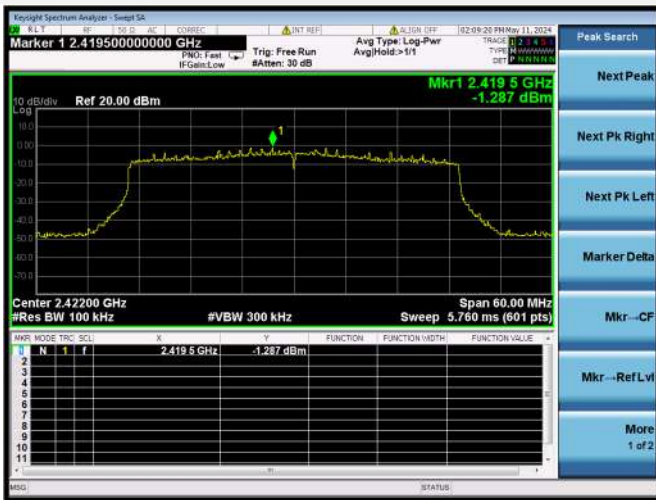
802.11n-20 MHz CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



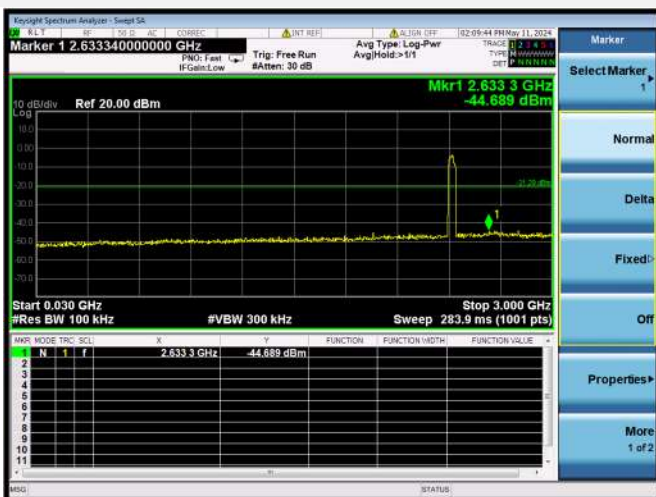
802.11n-20 MHz CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH3 CARRIER LEVEL



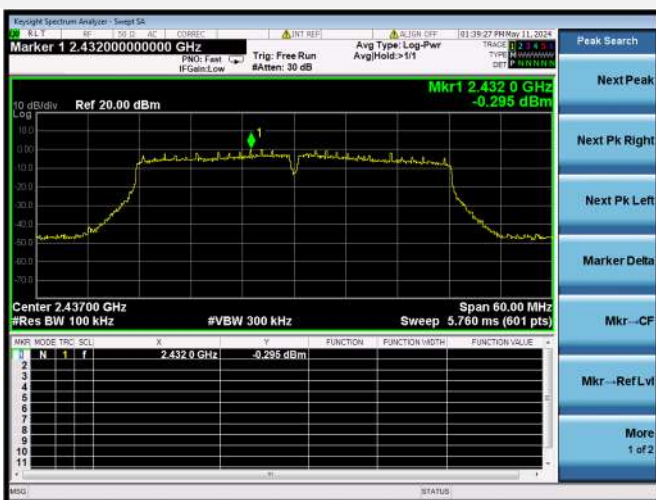
802.11n-40 MHz CH3, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



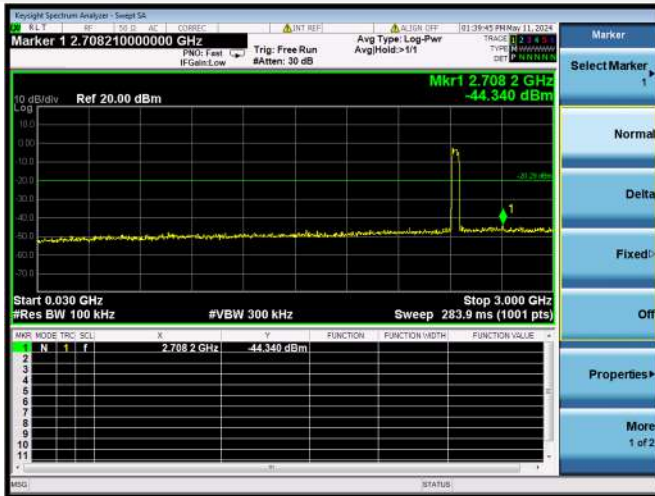
802.11n-40 MHz CH3, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH6 CARRIER LEVEL



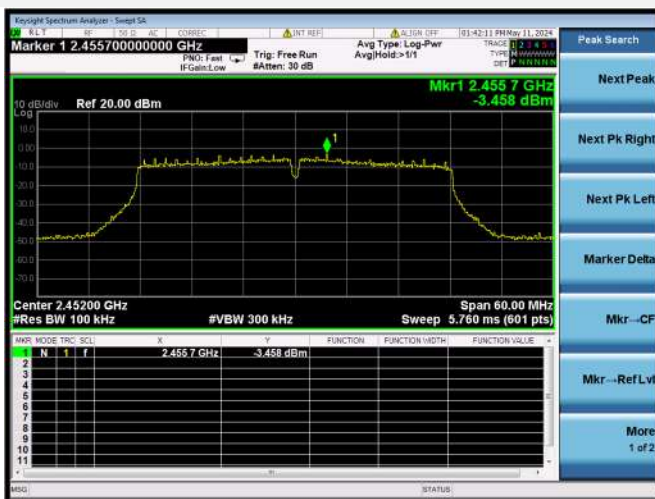
802.11n-40 MHz CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



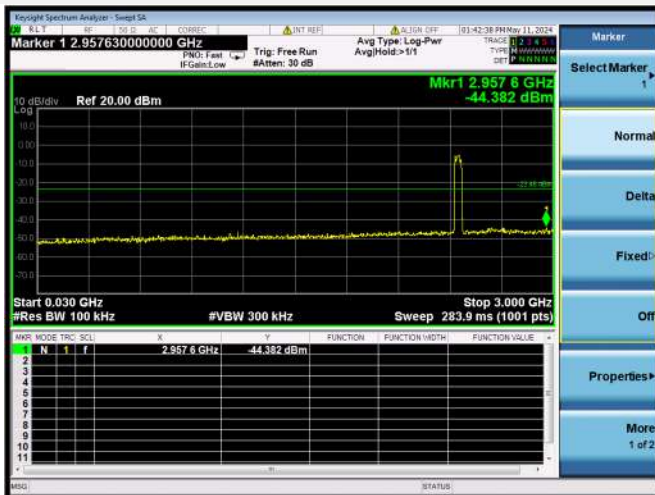
802.11n-40 MHz CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH9 CARRIER LEVEL



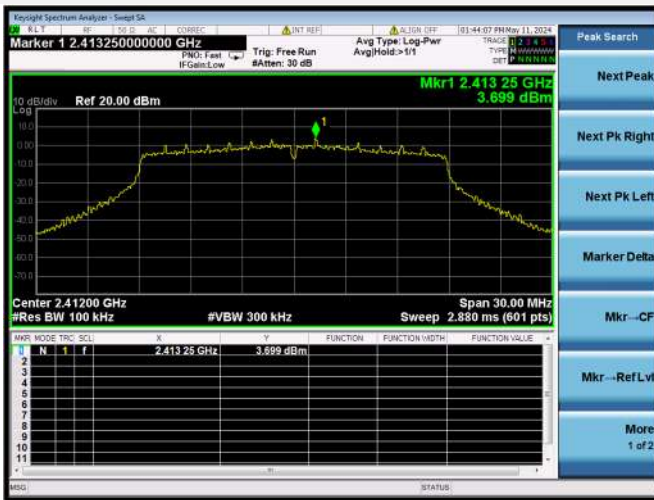
802.11n-40 MHz CH9, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



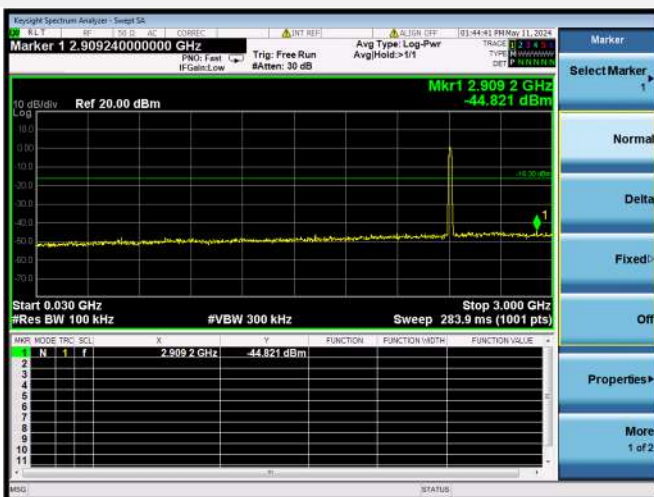
802.11n-40 MHz CH9, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11n-40 MHz CH1 CARRIER LEVEL



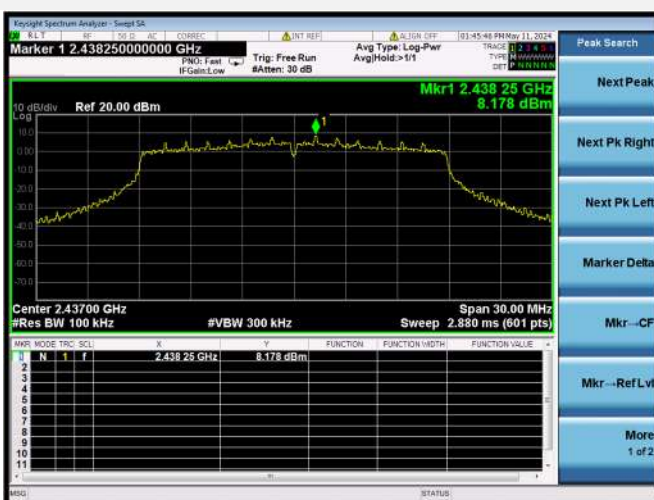
VHT20 CH1, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



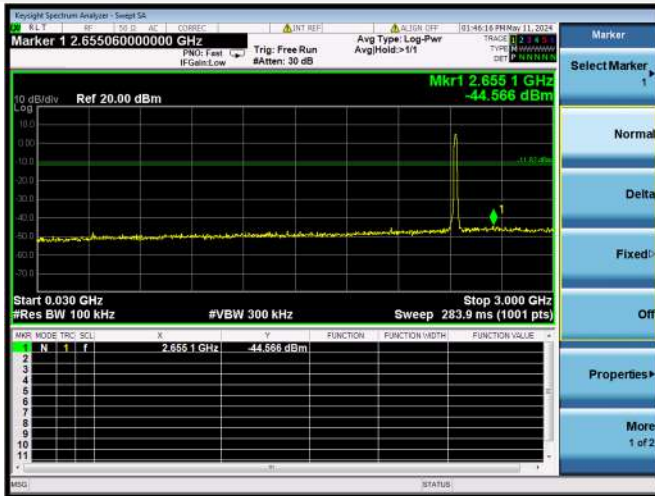
VHT20 CH1, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



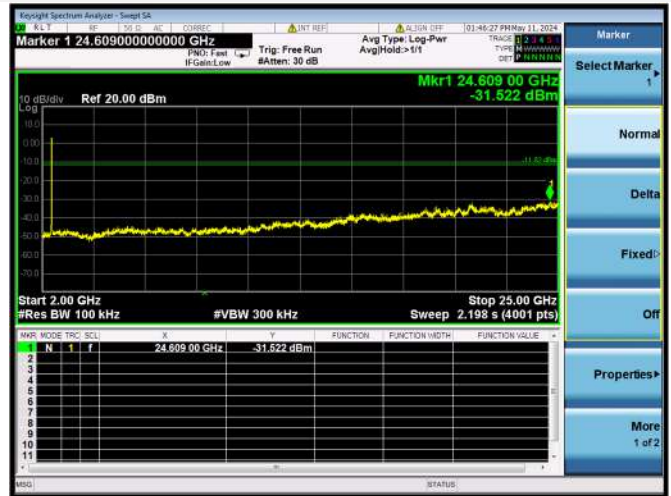
VHT20 CH6 CARRIER LEVEL



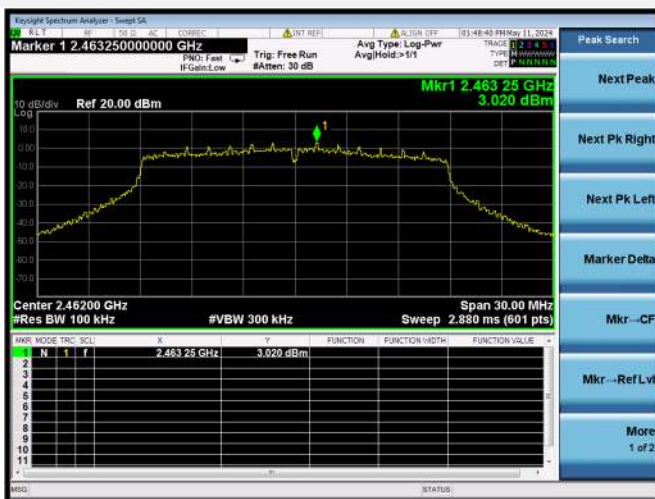
VHT20 CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



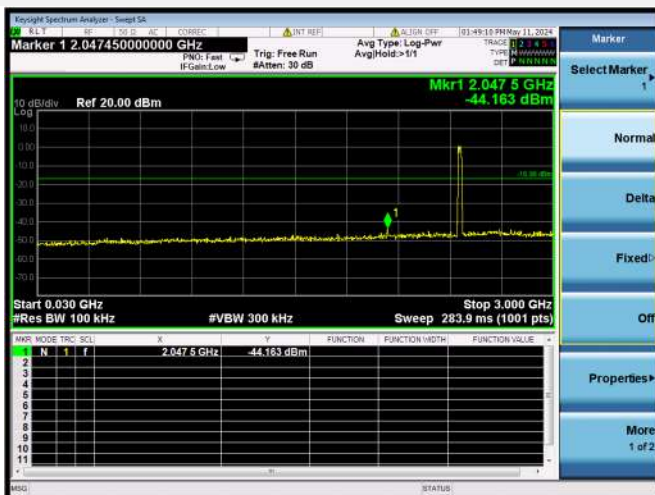
VHT20 CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



VHT20 CH11 CARRIER LEVEL



VHT20 CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz

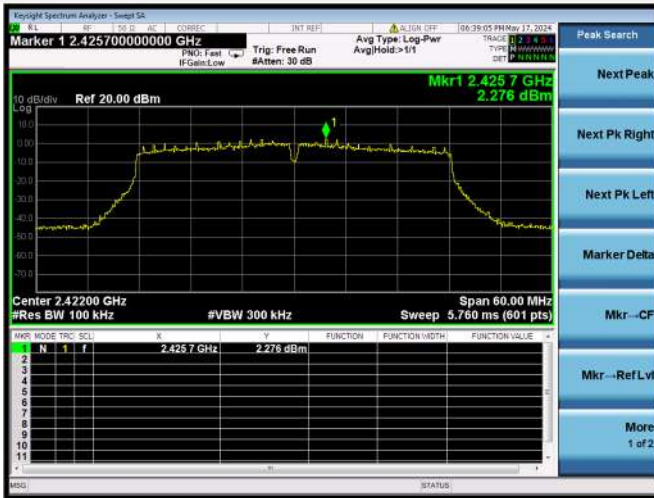


VHT20 CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz

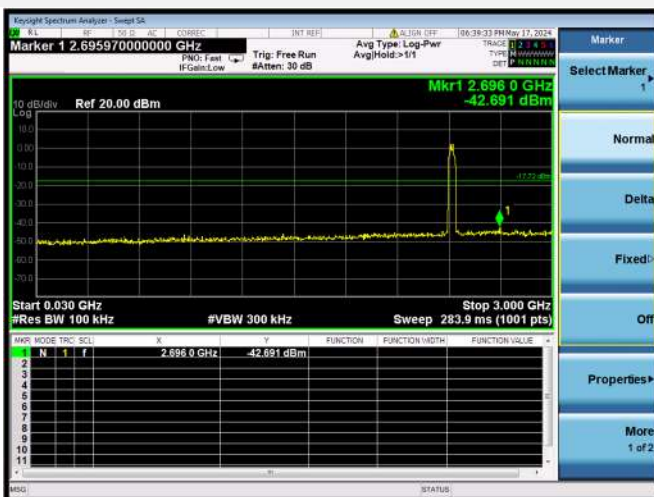




### VHT40 CH3 CARRIER LEVEL



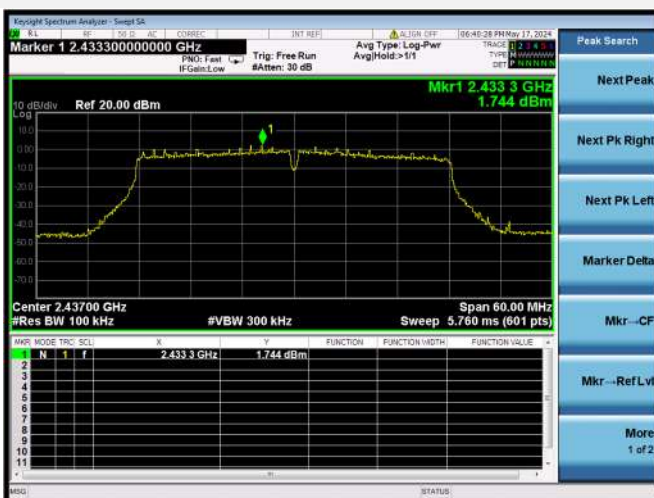
### VHT40 CH3, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



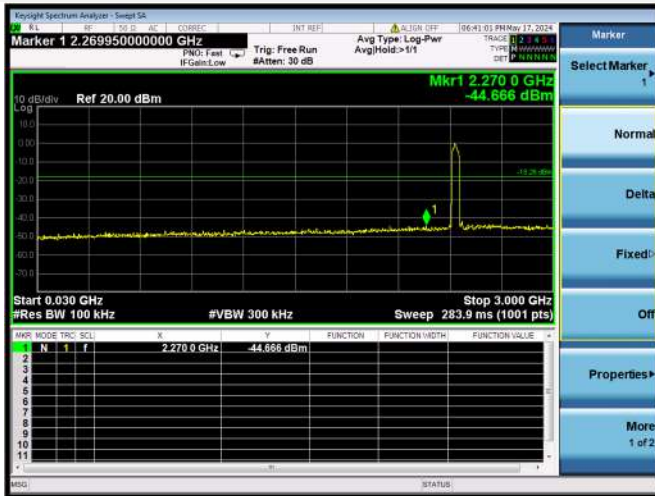
### VHT40 CH3, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



### VHT40 CH6 CARRIER LEVEL



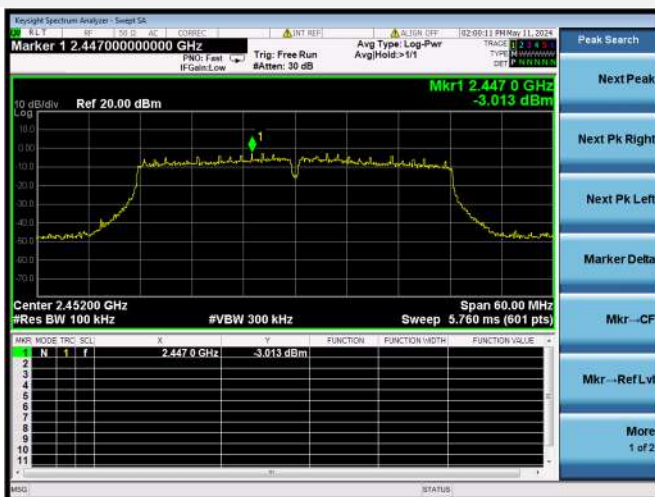
VHT40 CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



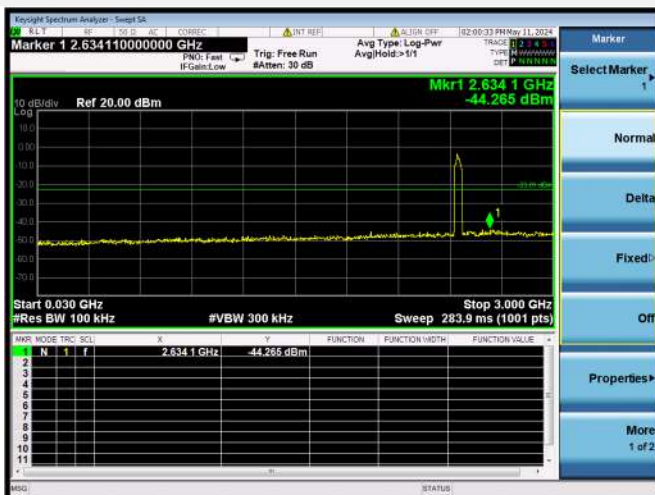
VHT40 CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



VHT40 CH9 CARRIER LEVEL



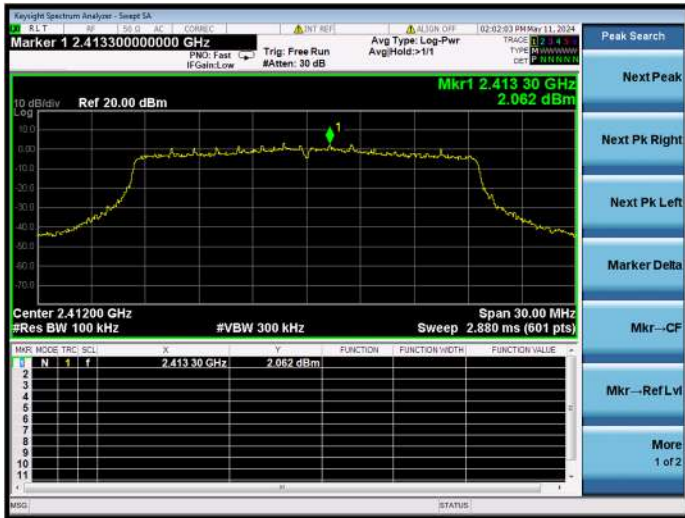
VHT40 CH9, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



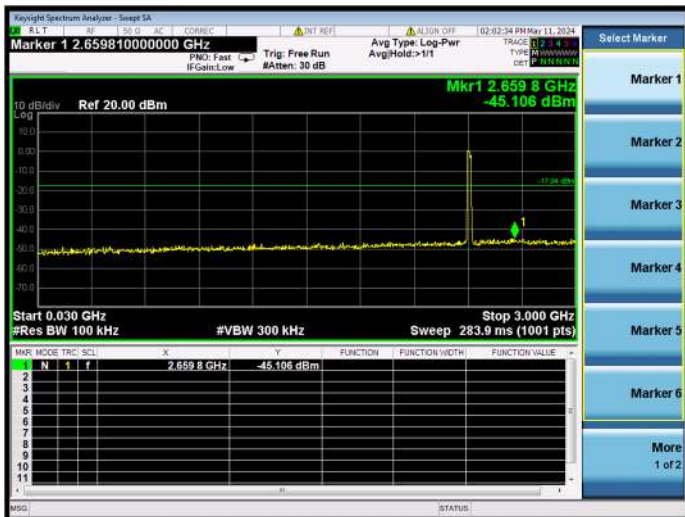
VHT40 CH9, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-20 MHz(SU) CH1 CARRIER LEVEL



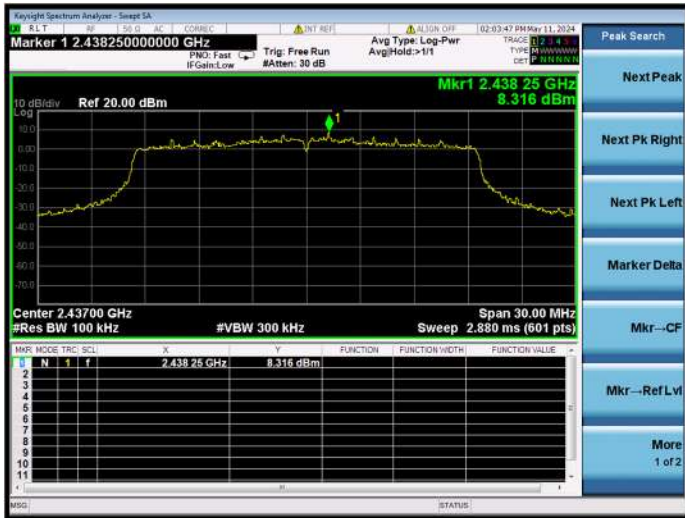
802.11ax-20 MHz(SU) CH1, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



802.11ax-20 MHz(SU) CH1, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz

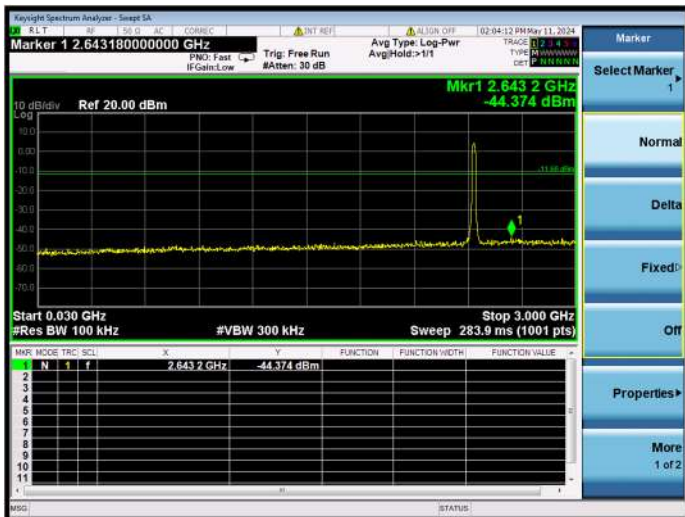


802.11ax-20 MHz(SU) CH6 CARRIER LEVEL



802.11ax-20 MHz(SU) CH6, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz

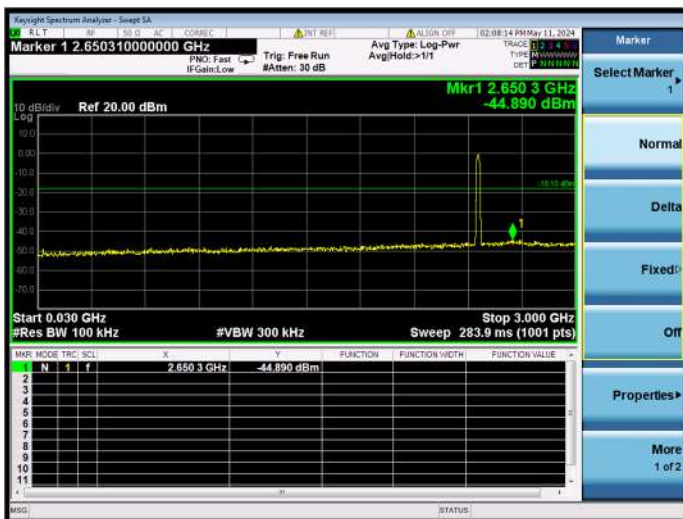
802.11ax-20 MHz(SU) CH6, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-20 MHz(SU) CH11 CARRIER LEVEL



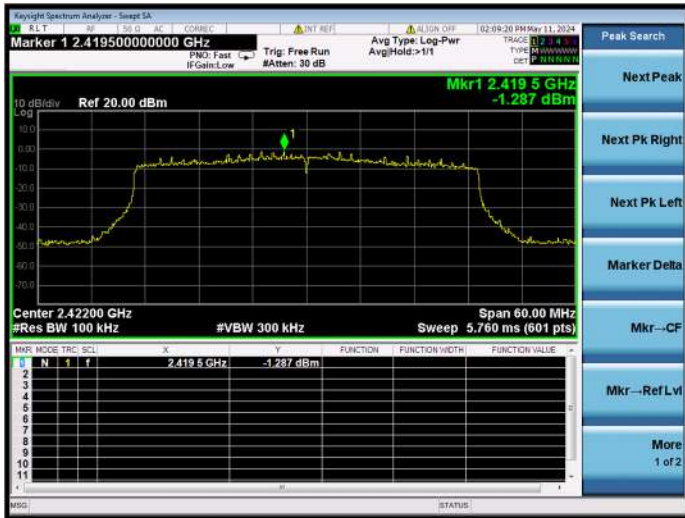
802.11ax-20 MHz(SU) CH11, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



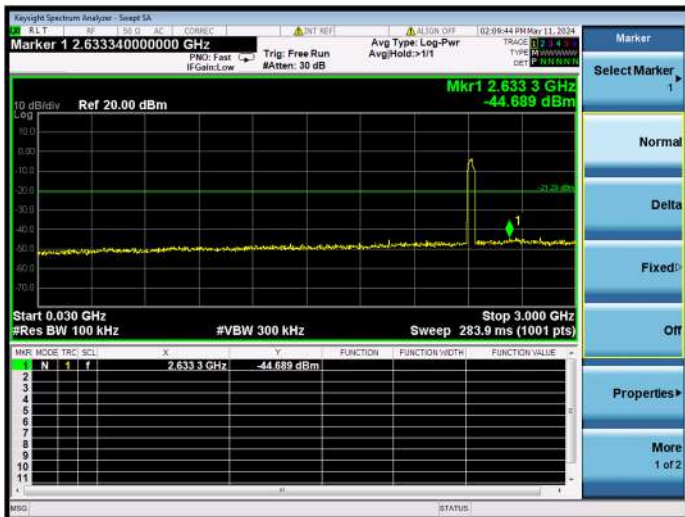
802.11ax-20 MHz(SU) CH11, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH3 CARRIER LEVEL



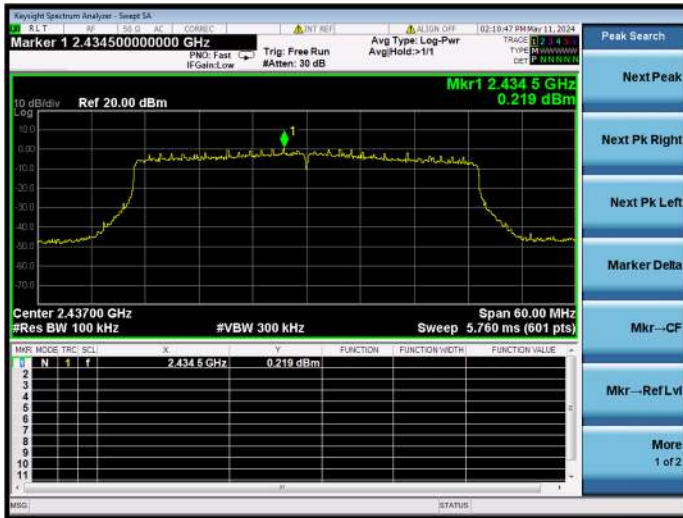
802.11ax-40 MHz(SU) CH3, SPURIOUS  
 30 MHz ~ 3 GHz



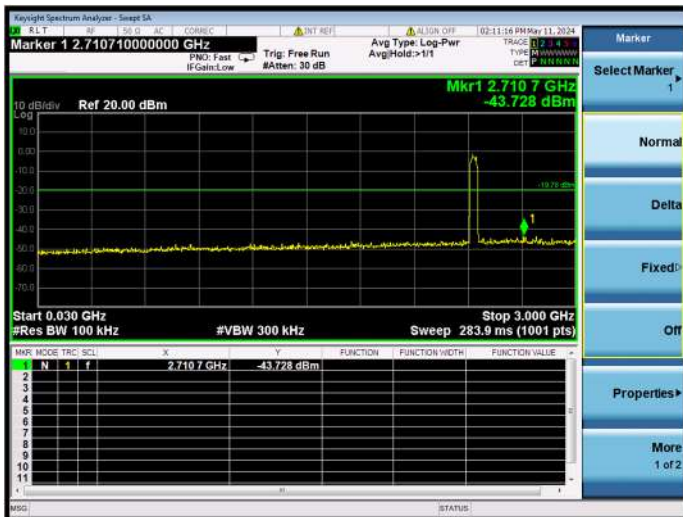
802.11ax-40 MHz(SU) CH3, SPURIOUS  
 2 GHz ~ 25 GHz



### 802.11ax-40 MHz(SU) CH6 CARRIER LEVEL



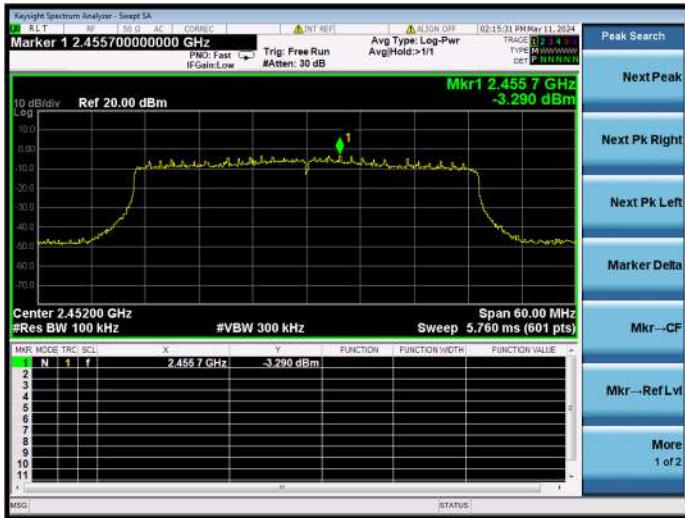
### 802.11ax-40 MHz(SU) CH6, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



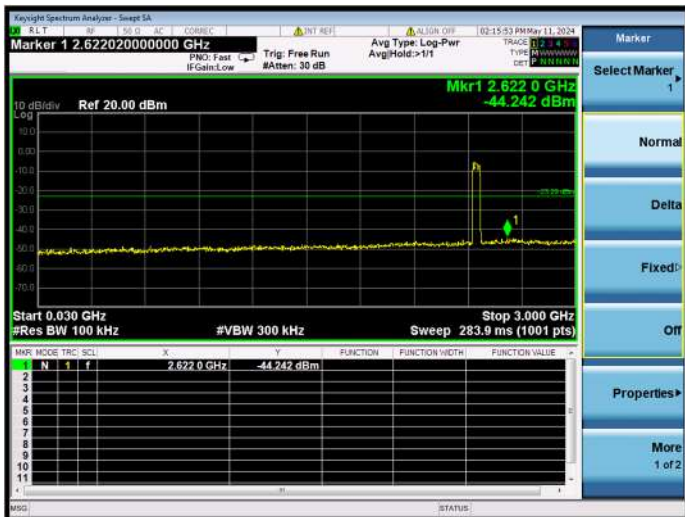
### 802.11ax-40 MHz(SU) CH6, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH9 CARRIER LEVEL



802.11ax-40 MHz(SU) CH9, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



802.11ax-40 MHz(SU) CH9, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



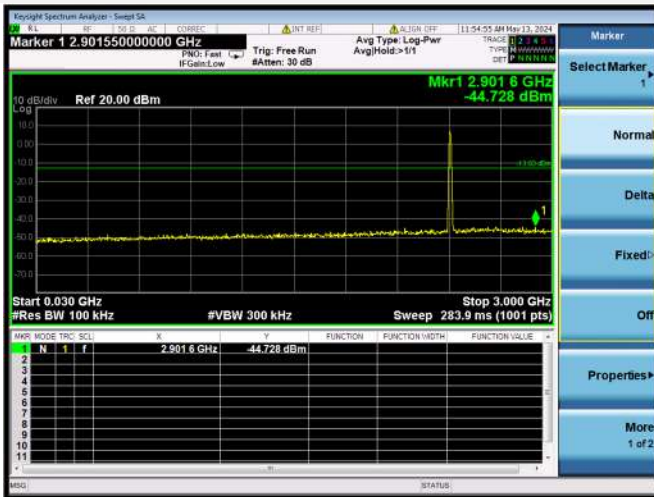


MIMO ANT 1:

802.11b CH1 CARRIER LEVEL



802.11b CH1, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



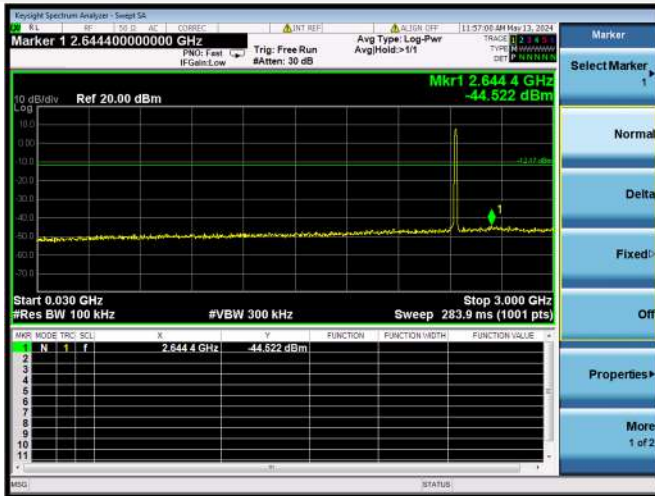
802.11b CH1, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



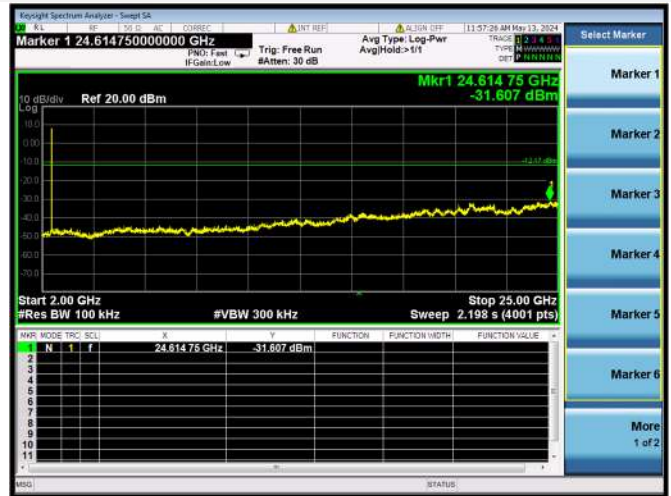
802.11b CH6 CARRIER LEVEL



802.11b CH6, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



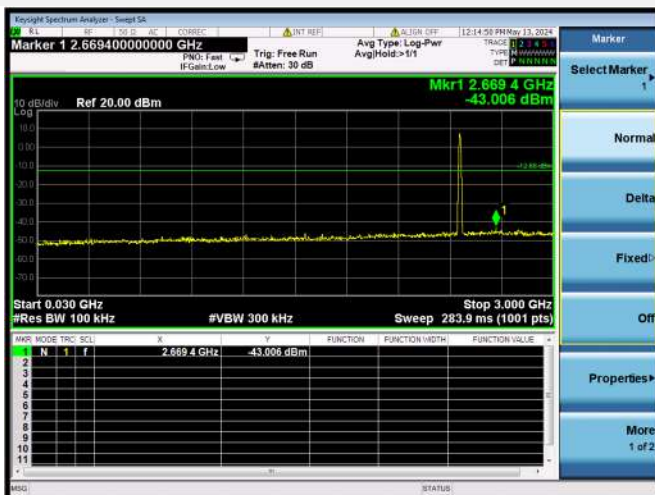
802.11b CH6, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



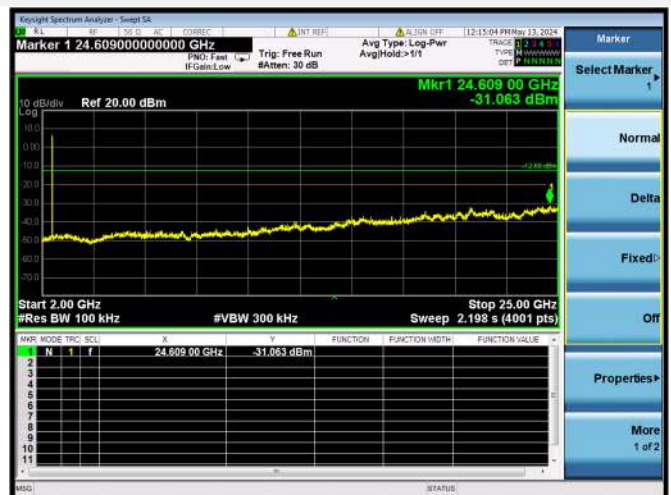
802.11b CH11 CARRIER LEVEL



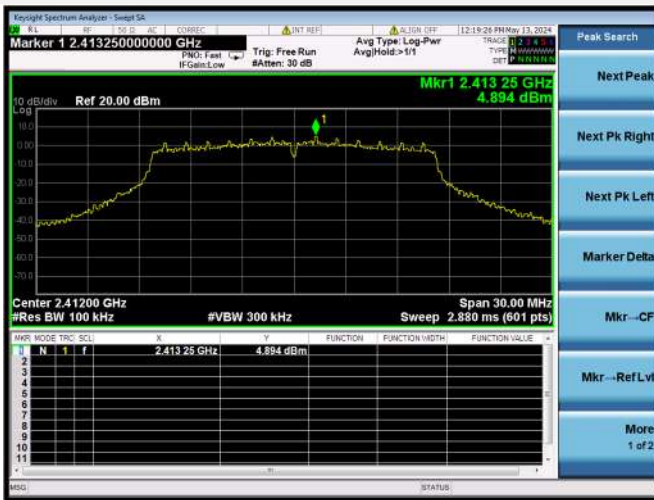
802.11b CH11, SPURIOUS  
30 MHz ~ 3 GHz



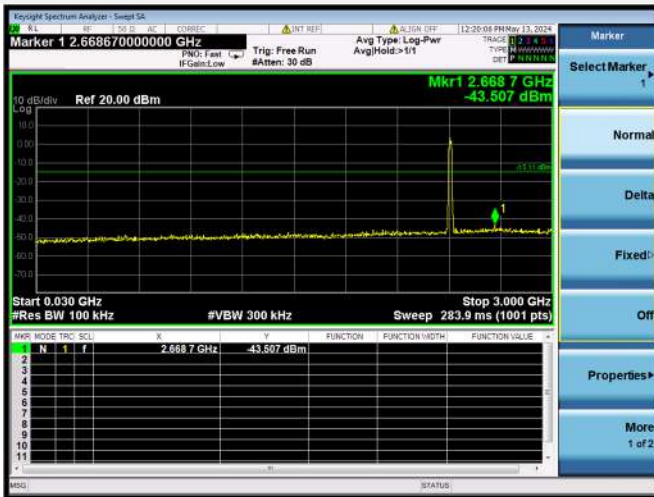
802.11b CH11, SPURIOUS  
2 GHz ~ 25 GHz



### 802.11g CH1 CARRIER LEVEL



### 802.11g CH1, SPURIOUS 30 MHz ~ 3 GHz



### 802.11g CH1, SPURIOUS 2 GHz ~ 25 GHz



### 802.11g CH6 CARRIER LEVEL

